

MỤC LỤC

Chương I	5
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	5
1. Tên chủ Cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU KHÍ BÌNH THUẬN	5
2. Tên cơ sở: CỬA HÀNG XĂNG DẦU THUẬN NAM (<i>gọi tắt là cơ sở</i>).....	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	6
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	6
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	8
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	10
4.1. Nguyên, nhiên liệu của cơ sở.....	10
4.2. Nhu cầu sử dụng điện	10
4.3. Nhu cầu sử dụng nước	10
5. Các thông tin liên quan đến cơ sở	11
Chương II.....	13
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH,.....	13
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	13
Chương III	15
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	15
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	15
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	15
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	15
1.2. Thu gom, thoát nước thải	15
1.3. Xử lý nước thải	16
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	19
2.1 Giảm thiểu ô nhiễm không khí từ hoạt động giao thông trong khu vực.....	19
2.2 Giảm thiểu khói bụi do hoạt động của máy phát điện dự phòng	19
2.3 Biện pháp giảm thiểu hơi phát sinh từ hoạt động kinh doanh xăng, dầu	20
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	20
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	21
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	23
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	24
6.1 Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu (UPSCTD):	24
6.2 Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:	26
6.3 Sự cố tai nạn lao động:	28
Chương IV	29
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	29
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	29
1.1 Nguồn phát sinh nước thải	29
1.2 Lưu lượng xả thải tối đa	29

1.3 Dòng nước thải	29
1.4 Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	29
1.5 Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải	30
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	30
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	31
3.1 Nguồn phát sinh.....	31
3.2 Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung	31
3.3 Phương thức xử lý tiếng ồn, độ rung:.....	32
4. Nội dung cấp phép chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.....	32
Chương V	35
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	35
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	35
1.1. Quan trắc định kỳ môi trường nước thải.....	35
1.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động	35
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải	35
CHƯƠNG VI.....	37
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	37
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	37
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	37
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	37
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ Cơ sở	38
Chương VII.....	39
KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	39
ĐỐI VỚI CƠ SỞ	39
Chương VIII	40
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	40
1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	40
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan	40

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Hạng mục của công trình của cơ sở.....	6
Bảng 2. Chi tiết bể chứa xăng dầu.....	7
Bảng 3: Bảng nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở.....	10
Bảng 4. Nhu cầu sử dụng nước trong 03 tháng gần nhất của Cơ sở	11
Bảng 5: Bảng thông số kỹ thuật hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở	15
Bảng 6. Giá trị các thông số ô nhiễm theo QCVN 29:2010/BTNMT.....	18
Bảng 7: Thống kê chất thải rắn sinh hoạt phát sinh	21
Bảng 8: Thống kê chất thải nguy hại (CTNH)	22
Bảng 9: Thống kê trang thiết bị UPSCTD	24
Bảng 10: Thống kê trang thiết bị PCCC& CNCH	26
Bảng 11. Giá trị các thông số ô nhiễm theo QCVN 14:2008/BTNMT.....	30
Bảng 12: Thông số tiếng ồn của Cơ sở	31
Bảng 13: Thông số độ rung của Cơ sở	31
Bảng 14: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở (CTNH).....	32
Bảng 15: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở	33
Bảng 16: Kết quả quan trắc nước thải tại cơ sở	35
Bảng 17: Kết quả quan trắc mẫu khí thải xung quanh khu vực trụ bơm.....	36

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Quy trình nhập và bán lẻ xăng dầu.....	8
Hình 2: Hệ thống thoát nước mưa chảy tràn	15
Hình 3. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại cơ sở.....	16
Hình 4. Mô hình cấu tạo hầm tự hoại.....	17
Hình 5: Sơ đồ hệ thống bể lắng tách xăng dầu ra khỏi nước thải	18
Hình 6: Sơ đồ thu gom chất thải rắn thông thường tại Cơ sở	20
Hình 7: Khu vực lưu chứa CTNH	23

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

WHO:	Tổ chức y tế thế giới
BTNMT:	Bộ Tài nguyên và môi trường
UBND:	Ủy ban nhân dân
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
QĐ:	Quyết định
TT:	Thông tư
GPMT:	Giấy phép môi trường
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
BOD:	Nhu cầu Oxy sinh hóa
COD:	Nhu cầu Oxy hóa học
CTR:	Chất thải rắn
CTRNH:	Chất thải rắn nguy hại
XLNT:	Xử lý nước thải
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
PL:	Postlarva
UPSCTD:	Ứng phó sự cố tràn dầu
CHXD:	Cửa hàng xăng dầu

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ Cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ BÌNH THUẬN

- Địa chỉ văn phòng: số 97 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Doãn Văn Quảng

- Điện thoại: 0252.3828658; Fax: 0252.3828274; Mail:ctyxangdau-ftth-btn@vnn.vn

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 3400374220 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Thuận cấp, đăng ký lần đầu ngày 25/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22/08/2023.

2. Tên cơ sở: CỬA HÀNG XĂNG DẦU THUẬN NAM (gọi tắt là cơ sở)

- Địa điểm cơ sở: Thôn, Quán Thẻ 2, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, có tứ cận như sau:

- + Phía Bắc: Tiếp giáp mương nước khô;
- + Phía Nam: Tiếp giáp đất trống;
- + Phía Tây: Tiếp giáp ruộng muối;
- + Phía Đông: Tiếp giáp đường QL1A.



Hình ảnh tổng thể cửa hàng

- Cơ sở đã lập Bản cam kết bảo vệ môi trường và được cấp xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường công văn số 1189/UBND-KT ngày 19/8/2013 do UBND huyện Thuận Nam cấp.

- Cơ sở đã được UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cửa hàng xăng dầu Thuận Nam tại Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 04/5/2019.

- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, mã số địa điểm kinh doanh: 00046 đăng ký lần đầu ngày 06/8/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 24/8/2021.

- Quy mô của cơ sở :

+ Cơ sở được xây dựng theo Giấy phép xây dựng số 45/GPXD ngày 04/6/2010 của Sở xây dựng tỉnh Ninh Thuận, diện tích đất của cơ sở là 2.474,8m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 649038, số vào sổ CT 00185, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 27/12/2010.

+ Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công: Cơ sở thuộc lĩnh vực quy định tại Khoản 3 Điều 10 Luật Đầu tư công, tổng vốn đầu tư 1 tỷ đồng là dự án đầu tư **nhóm C** được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công (*có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng*).

+ Phân loại tiêu chí quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Cơ sở thuộc danh mục dự án đầu tư **nhóm III** (*dự án ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường*) quy định tại điểm b khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường.

+ Căn cứ theo khoản 2 điều 39 luật Bảo vệ môi trường thì cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường. Căn cứ theo khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

❖ Các hạng mục của công trình của cơ sở

Các hạng mục công trình của cơ sở được bố trí thành các khu vực: khu hành chính, sinh hoạt và khu bán hàng, cụ thể như sau:

Bảng 1: Hạng mục của công trình của cơ sở

STT	Tên công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng
1	Mái che và trụ bơm	540	Trụ bê tông cốt thép, mái tole	IV	1
2	Nhà quản lý	214	Tường gạch, móng trụ bê tông cốt thép, trần thạch cao, mái tole.	IV	1
3	Nhà vệ sinh	150	Tường gạch, móng đá chẻ, mái tole xi măng, nền lát gạch Ceramic.	IV	1
4	Bồn chứa xăng dầu	80	Móng bê tông cốt thép, mái tole, nền láng xi măng	IV	1

(Nguồn: Công ty)

❖ Công suất hoạt động của Cơ sở:

- Khu vực bể chứa chôn ngầm: 04 bể với tổng khối tích là 90m³. Hồ van chung có nắp đậy với kích thước 1,5m x 1m x 0,5m. Bể thép hình trụ được bảo quản bằng 02 lớp vải sợi thủy tinh chống ăn mòn và chôn ngầm dưới đất bằng hệ neo & dầm chống nổi bể; các bể được nối với hệ thống chống tĩnh điện lan truyền; các bể được lắp đặt hệ thống thu hồi hơi xăng dầu trong quá trình nhập hàng xuống bể chứa nhằm giảm thiểu hơi xăng dầu thoát ra môi trường và đảm bảo an toàn cháy nổ.

STT	Nhiên liệu bể chứa	Số lượng (Bể)	Dung tích bể (m ³)
1	Xăng ron 95	1	15
2	Xăng E5 ron 92	1	15
3	Dầu Do	2	30
Tổng cộng			90

Bảng 2. Chi tiết bể chứa xăng dầu

- Hệ thống công nghệ nhập: 04 đường ống nhập kín ø90 bằng thép tráng kẽm

được lắp đặt tại hòng nhập từng bể chứa.

- Hệ thống van thở: 04 van thở thông hơi xăng dầu bằng ống thép tráng kẽm $\phi 60$ từ bể chứa ngầm ra các van thở.

- Hệ thống thu hồi hơi xăng dầu: 04 đường ống thu hồi hơi xăng dầu bằng thép tráng kẽm $\phi 60$ được lắp đặt thiết bị nối kín với ống thu hồi hơi của phương tiện nhập.

- Khu vực nhà mái che cột bơm: Khu vực bán xăng dầu được kết cấu trụ bê tông cốt thép, mái lợp tôn, có chiều dài và chiều cao phù hợp để phương tiện ra vào thuận lợi, nền được kết cấu bằng bê tông chịu lực, hệ thống điện chiếu sáng đồng bộ.

- Số lượng cột bơm: Được lắp đặt 04 cột bơm điện tử, gồm 04 vòi bơm với công suất 40 - 70 lít/phút. Trong đó, 02 vòi bơm dầu Diesel 0,05S - II; 01 vòi bơm xăng Ron 95-III; 01 vòi bơm xăng E5 Ron 92.

- Hệ thống đường ống công nghệ xuất: các đường ống xuất bằng ống thép $\phi 49$ được đặt trong hệ thống mương công nghệ bê tông từ các bể chôn ngầm dẫn đến cột bơm. Trong đó có: 01 đường ống xuất xăng Ron 95-III; 01 đường ống xuất xăng E5 Ron 92; 02 đường ống xuất dầu Diesel 0,05S-II.

- Sân bãi được đổ bê tông.

- Khu vực nhà làm việc: Nhà cấp 4, kết cấu 01 tầng, có diện tích 214m². Kết cấu xây dựng: Tường gạch, móng trụ bê tông cốt thép, trần thạch cao, mái tole. Hệ thống điện đi ngầm, 01 phòng bố trí làm phòng giao dịch bán hàng, 01 phòng nghỉ nhân viên, 01 kho và 01 nhà vệ sinh.

- Hệ thống xử lý nước thải gồm mương thu gom nước mặt dẫn về bể xử lý ba ngăn và mương môi trường, lắng tách trước khi xả vào hệ thống nước khu vực.

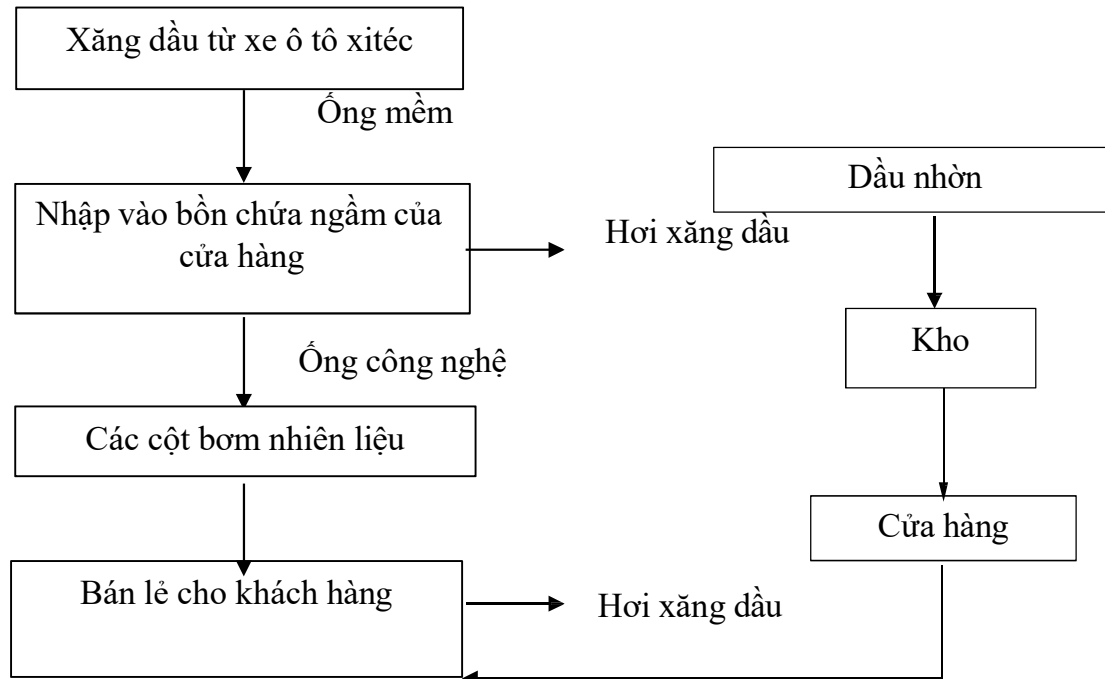
- Hệ thống điện chiếu sáng dây đi trong ống nhựa chống cháy, đi ngầm.

- Ngoài ra cửa hàng còn trang bị 01 máy phát điện phục vụ việc bán hàng lúc mất điện lưới cũng như đảm bảo cho hoạt động phòng cháy chữa cháy.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

- Cơ sở được đầu tư xây dựng với mục đích kinh doanh, bán lẻ xăng dầu nhớt các loại với thời gian hoạt động: bắt đầu từ 5h sáng và kết thúc lúc 22h trong ngày để đáp ứng nhu cầu cho người và phương tiện tham gia giao thông.

- Quy trình nhập và bán lẻ xăng dầu tại cơ sở:



Hình 1. Quy trình nhập và bán lẻ xăng dầu

- Thuyết minh quy trình nhập và bán lẻ xăng dầu:

+ Xăng, dầu từ xe ô tô xitec chuyên vận chuyển về cơ sở và được nhập vào bể chứa chôn ngầm bằng hệ thống nhập kín. Hệ thống nhập kín là hệ thống công nghệ bảo đảm quá trình nhập không phát tán hơi xăng dầu tại hòng nhập của bể mà chỉ cho một số ít hơi xăng dầu thoát ra tại van thở và vào trực tiếp bồn nhập của xe ô tô xitec. Xăng dầu từ xe ô tô xitec chảy qua ống mềm liên kết với hòng nhập bằng các khớp nối bảo đảm kín tuyệt đối và đi vào bể chứa. Sau đó, xăng dầu từ các bể chứa được xuất bán qua cột bơm điện tử bằng vòi cấp tự ngắt.

+ Hệ thống ống công nghệ xuất nhập, được thiết kế bằng ống thép chạy trong rãnh công nghệ và được lắp đặt theo đúng QC 01:2020/BCT. Máy bơm sử dụng là máy bơm ly tâm và có hiển thị bằng số điện tử.

+ Các bể đều được lắp đặt van thở trong có thiết bị ngăn tia lửa, lắp đặt hệ thống tiếp đất phòng chống sét đánh thẳng cho van thở và phòng chống tĩnh điện theo quy định của QC 01:2020/BCT.

+ Dầu nhớt chứa trong các can/chai lưu trữ tại kho khi có khách hàng yêu cầu thì chở đi tiêu thụ.

+ Hàng ngày nhân viên làm việc tại cơ sở kiểm tra khối lượng hàng tồn trong bể, tối thiểu 01 lần/ngày.

3.3 Sản phẩm của cơ sở:

- Sản phẩm cung ứng bao gồm: xăng Ron 95-III, xăng E5 Ron 92, dầu Diesel 0,05S-II và nhớt các loại.

- Tổng lượng xăng dầu bán ra khoảng 61m³/tháng (sản lượng bình quân tháng năm 2023), đáp ứng nhu cầu nhiên liệu của người dân địa phương, khách vãng lai và các phương tiện lưu thông trên tuyến đường Quốc lộ 1A đoạn của cửa hàng xăng dầu Thuận Nam, cũng như đóng góp ngân sách cho tỉnh Ninh Thuận.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên, nhiên liệu của cơ sở

- Nguyên liệu: Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở là bán sỉ lẻ xăng dầu nhớt các loại, nên nguyên liệu chính là sản lượng xăng dầu nhớt bán ra tại cơ sở.

- Nhiên liệu: Nhiên liệu phục vụ cho cơ sở chủ yếu là nước, điện, dầu DO, nhớt dùng để chạy máy phát điện.

- Cơ sở không sử dụng hoá chất để phục vụ cho quá trình hoạt động kinh doanh.

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn điện cung cấp là điện lưới quốc gia chạy dọc đường Quốc lộ 1A.

- Đường điện chính: Trụ bê tông cốt thép, dây dẫn cáp đồng bọc, bố trí dọc theo trục đường chính đến cơ sở.

- Đường điện vào các khu sản xuất: bố trí dọc theo các nhánh kết cấu trụ bê tông, dây dẫn bọc đồng.

- Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở được thống kê trong 03 tháng (từ tháng 03 đến tháng 05/2024) như sau: *(hoá đơn tiền điện trong 03 tháng được đóng kèm trong phần phụ lục)*

Bảng 3: Bảng nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở

STT	Thời gian (ngày/tháng/năm)	Điện năng tiêu thụ (Kwh/tháng)	Trung bình điện năng tiêu thụ trong 1 ngày (kwh/ngày)
1	01/03/2024-31/03/2024	1.528	49,3
2	01/04/2024-30/04/2024	1.577	52,6
3	01/05/2024-31/5/2024	1.570	50,6

(Nguồn: Công ty)

Ngoài ra, cơ sở có trang bị 01 máy phát điện có công suất 10KVA có thể chạy liên tục để cấp điện cho hoạt động kinh doanh khi có sự cố về lưới điện.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Tổng số lao động của cơ sở là 04 người, theo TCXDVN 33:2006 về “Cấp nước - Mạng lưới đường ống và Công trình”, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt là 100lít/người.ngày: $Q_{sh} = 100 \times 4 = 400$ lít/ngày = **0,4m³/ngày**.

Ngoài ra, cơ sở còn đón khách vắng lai vào sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt, dự kiến khoảng 50 người/ngày, theo TCXDVN 33:2006 về “Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình” nhu cầu sử dụng nước của khách hàng là 40 lít/người.ngày: $Q_{shkh} = 50 \times 40 = 2000$ lít/ngày = **2,0 m³/ngày**.

Tuy nhiên, lượng nước sử dụng thực tế theo hoá đơn sử dụng nước thì trung bình lượng nước sử dụng tại cơ sở khoảng 2,3 m³/ngày.

Nguồn cung cấp nước cho Cơ sở được sử dụng từ nguồn nước cấp của địa phương do Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận cung cấp.

Tổng nhu cầu nước sử dụng của cơ sở được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 4. Nhu cầu sử dụng nước trong 03 tháng gần nhất của Cơ sở

TT	Thời gian (tháng/năm)	Số m ³ nước trong 01 tháng	Trung bình lượng nước tiêu thụ trong 1 ngày (m ³)
1	3/2024	95	3,1
2	4/2024	73	2,4
3	5/2024	39	1,3

(Nguồn: Công ty)

5. Các thông tin liên quan đến cơ sở

Cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, mã số địa điểm kinh doanh: 00046 đăng ký lần đầu ngày 06/8/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 24/8/2021. Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số 111/GCNĐĐK-SCT ngày 12/8/2019.

Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 649038, số vào sổ CT 00185, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 27/12/2010.

Cơ sở đã lập Bản cam kết bảo vệ môi trường và được cấp xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường công văn số 1189/UBND-KT ngày 19/8/2013 do UBND huyện Thuận Nam cấp.

Cơ sở đã được UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cửa hàng xăng dầu Thuận Nam tại Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 04/5/2019.

Vị trí xây dựng Cơ sở phù hợp với Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 19/2/2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt đề án “Quy hoạch phát triển

hệ thống kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, xét đến 2025”.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường: Hiện nay, Quy hoạch Bảo vệ môi trường quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường đang triển khai xây dựng, Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ năm 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 do UBND tỉnh đã xây dựng, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1319/QĐ-TTg, ngày 10/11/2023. Cơ sở phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

- Vị trí xây dựng của cơ sở phù hợp với Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 19/2/2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt đề án “Quy hoạch phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, xét đến 2025”.

- Vị trí kinh doanh của cơ sở là đất thương mại dịch vụ phù hợp với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất của địa phương theo Quyết định số 763a/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Thuận Nam.

- Cơ sở hoạt động sẽ giải quyết công ăn việc làm cho lao động tại địa phương và vùng lân cận, nâng cao chất lượng cuộc sống cho lao động và người dân ở địa phương. Đồng thời, mang lại nguồn lợi kinh tế cho địa phương cũng như tỉnh nhà và đáp ứng được kịp thời việc tiêu thụ xăng dầu trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho các phương tiện giao thông đi lại và đặc biệt tác động tích cực đến phục vụ sản xuất công – nông – lâm nghiệp tại các khu vực lân cận.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Khả năng chịu tải của môi trường đối với nước thải:

Toàn bộ nước thải của cơ sở được xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT(B), áp dụng đối với CHXD không có dịch vụ rửa xe, trước khi thải vào môi trường.

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom và xử lý tại hầm tự hoại, sau đó được đầu nối vào hố thu gom nước thải sau xử lý của cửa hàng để được tái sử dụng; nước thải phát sinh khi có sự cố tràn dầu xảy ra sẽ được thu gom về hố gạn dầu, nước thải sau xử lý được đầu nối vào hố thu gom nước thải sau xử lý của cửa hàng để được tái sử dụng. Bên cạnh đó, lưu lượng nước thải sau xử lý lớn nhất (bằng với lượng nước cấp cho mục đích sinh hoạt) là $2,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$ tương ứng với $0,000027 \text{ m}^3/\text{s}$ là rất nhỏ. Cơ sở hoạt động trên đất liền, xung quanh không có sông, suối, biển, do đó nước thải sau xử lý của cơ sở không tác động đến môi trường xung

quanh.

- Khả năng chịu tải của môi trường đối với bụi và khí thải, tiếng ồn:

Các nguồn phát sinh bụi và khí thải, tiếng ồn của cơ sở chủ yếu từ hoạt động giao thông, vận chuyển nhập nguyên liệu, xuất hàng hóa, máy phát điện dự phòng... làm gia tăng hàm lượng bụi, khí thải, tiếng ồn trong môi trường không khí của khu vực. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu đến môi trường không khí. Đồng thời, dự án nằm tại khu vực thông thoáng, có chất lượng nền không khí tương đối tốt nên khả năng tác động đến môi trường không khí khu vực là không đáng kể.

- Khả năng chịu tải của môi trường đối với chất thải rắn:

+ Hoạt động kinh doanh của Cơ sở phát sinh chất thải sinh hoạt từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên; chất thải nguy hại giẻ lau dính dầu mỡ, cặn xăng dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, hộp mực in; ...

+ Chất thải rắn và chất thải nguy hại được tập kết vào các thùng chứa theo đúng mã quy định, chứa đựng đủ lượng rác thải phát sinh. Các thùng chứa có nắp đậy giảm thiểu mùi hôi phát sinh và các thùng để thuận lợi cho việc vận chuyển. Khu vực lưu trữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại đảm bảo các thùng phân loại dán nhãn, mã số... theo quy định. Chủ cơ sở tiếp tục hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại đúng theo quy định. Vì vậy, khả năng thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường, CTNH tại cơ sở gần như triệt để theo đúng quy định nhằm giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Qua những đánh giá trên cho thấy cơ sở hoàn toàn phù hợp với quy hoạch và khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận các nguồn chất thải của dự án.

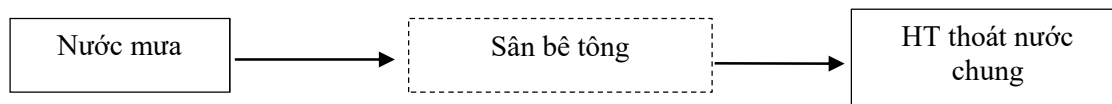
Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Nước mưa trên các mái nhà và nước mưa chảy tràn trên nền sân bãi tại cơ sở sẽ theo độ dốc thiết kế thoát ra ngoài sau đó dẫn ra hệ thống nước chung của khu vực.
- Đối với nước mưa từ các mái nhà: được thu gom bằng ống uPVC D114 xuống sân bê tông phía trước cơ sở, sân bê tông được thiết kế có độ dốc thoát ra ngoài về hệ thống mương thoát nước mưa của địa phương dọc cơ sở.
- Đối với nước mưa chảy tràn trên bề mặt: toàn bộ nước mưa chảy tràn của cơ sở đều được chảy tràn về hướng hệ thống thoát nước chung khu vực Cơ sở.



Hình 2: Hệ thống thoát nước mưa chảy tràn

Bảng 5: Bảng thông số kỹ thuật hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở

TT	Loại ống	Đơn vị	Số lượng
1	Ống uPVC D114	m	120
2	Sân bê tông	m ²	1000

(Nguồn: Công ty)

1.2. Thu gom, thoát nước thải

- Công trình thu gom nước thải:

Nước thải của cơ sở phát sinh chủ yếu từ các khu vệ sinh công cộng và nước thải nhiễm dầu khi sự cố tràn dầu xảy ra.

+ Nước thải từ khu vệ sinh công cộng sẽ được thu gom theo tuyến ống uPVC 114 về hầm tự hoại.

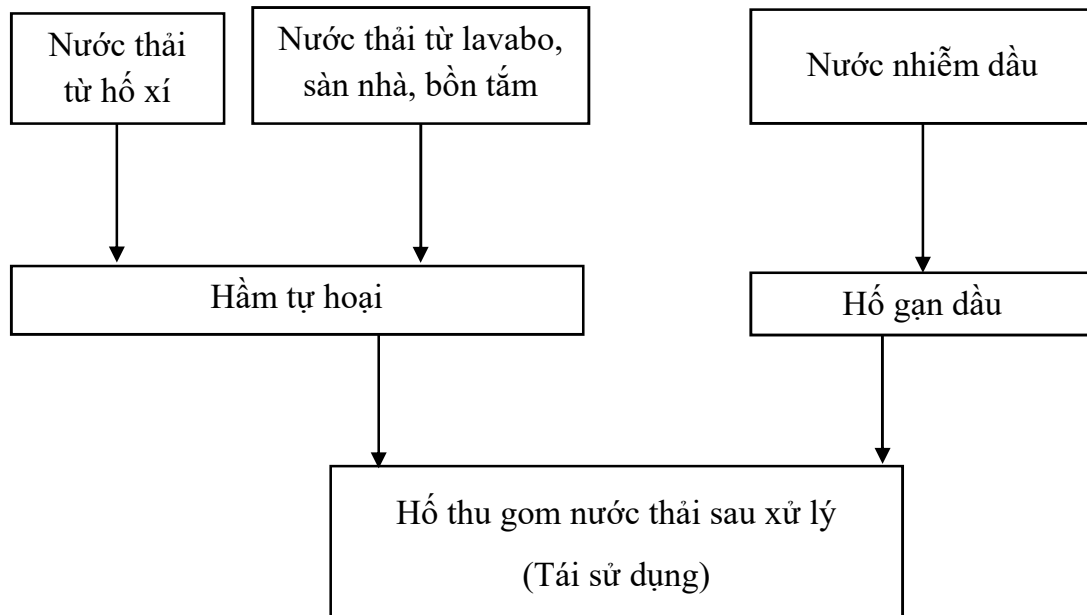
+ Nước thải nhiễm dầu theo rãnh môi trường được thu gom về hố gạn dầu, mương môi trường dài khoảng 20m.

- Công trình thoát nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại hầm tự hoại sẽ được đầu nối vào hố thu gom và lưu chứa nước thải sau xử lý, để tái sử dụng.

+ Nước thải nhiễm dầu sau khi được tách dầu sẽ được đầu nối vào hố thu gom và lưu chứa nước thải sau xử lý, để tái sử dụng.

+ Điểm xả nước thải sau xử lý: Nước thải sinh hoạt sau xử lý và nước thải nhiễm dầu sau xử lý sẽ được đầu nối vào hố thu gom và lưu chứa nước thải sau xử lý, để tái sử dụng.



Hình 3. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại cơ sở

1.3. Xử lý nước thải

- *Xử lý nước thải sinh hoạt*: Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ hoạt động của nhân viên và khách đến đổ xăng, tuy nhiên phát sinh rất ít, chỉ khoảng 2,3m³/ngày, tương đương với lượng nước thải của hộ gia đình, do đó, lượng nước thải này sẽ được xử lý bằng công trình xử lý tại chỗ là hầm tự hoại.

+ Cơ sở đã xây dựng hầm tự hoại với kích thước 3,0m³: (D × R × C = 2,3m x 1,3m x 1m).

+ Nước thải từ nhà vệ sinh và hoạt động vệ sinh cá nhân, hố xí sẽ được dẫn về hầm tự hoại.

+ Bể tự hoại 03 ngăn được cấu tạo gồm 03 ngăn chính trong đó ngăn chứa và lên men cặn chiếm ½ thể tích bể, ngăn lắng và ngăn lọc mỗi ngăn chiếm ¼ thể tích bể. Bể được xây dựng bằng gạch đặc, trát thành bể bằng vữa bê tông.

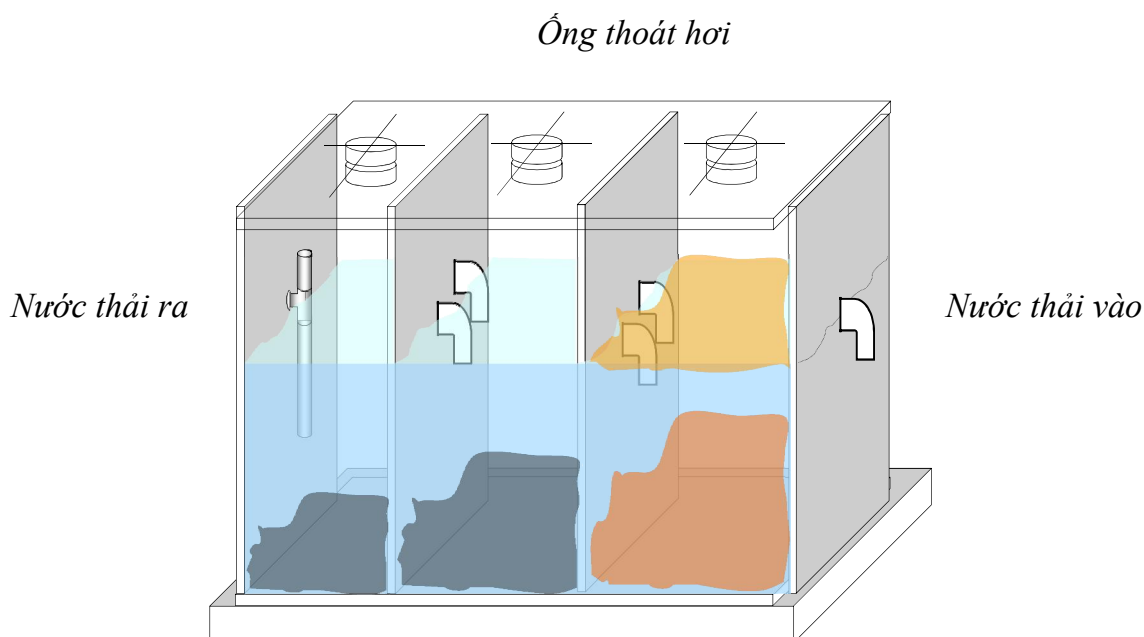
+ Nguyên tắc hoạt động của bể tự hoại là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng. Hiệu quả xử lý theo chất lơ lửng đạt 65 – 70% và theo BOD₅ là 60 – 65%.

+ Ngăn đầu tiên của bể tự hoại có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải. Thời gian lưu nước trong bể khoảng 20 ngày thì 95% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể. Cặn được giữ lại trong đáy bể từ 6-8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Nước thải ở trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu

suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy.

+ Cặn lắng ở dưới đáy bể bị phân hủy yếm khí khi đầy bể, sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút đáy xử lý. Nước thải và cặn lơ lửng theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, cặn tiếp tục lắng xuống đáy, nước được vi sinh yếm khí phân hủy làm sạch các chất hữu cơ trong nước.

+ Nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại, nồng độ chất ô nhiễm đã được giảm bớt, sau đó được đầu nối vào hố thu gom nước thải sau xử lý của cửa hàng để được tái sử dụng.

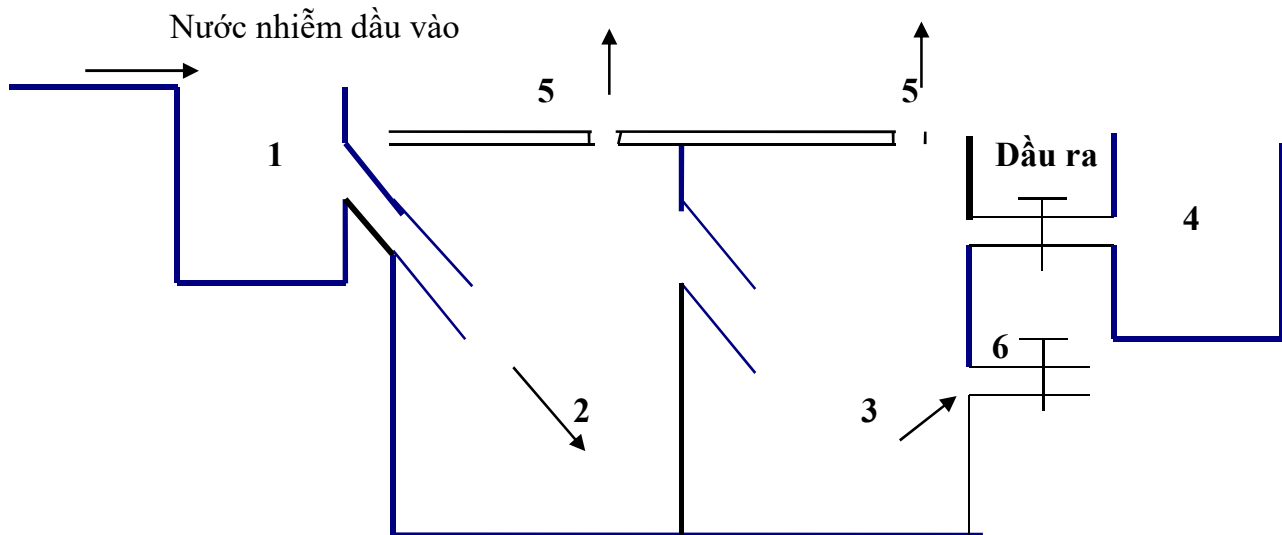


Hình 4. Mô hình cấu tạo hầm tự hoại

- *Xử lý nước thải nhiễm dầu:* Nước thải nhiễm dầu trong trường hợp gặp sự cố tràn dầu sẽ được thu gom và xử lý tại hố gạn dầu, tuy nhiên trường hợp bị sự cố là rất hiếm xảy ra.

+ *Bể lắng tách xăng dầu tràn (hố gạn dầu):* Hệ thống bể lắng tách xăng dầu được thiết kế đầy đủ theo QC01: 2013/BCT. Đầu tiên nước thải theo đường ống chảy vào hố gaz (1), mục đích để loại trừ các chất thải có kích thước lớn; sau đó được dẫn vào bể 2 để tiếp tục lắng lọc đất cát. Nơi đây xăng dầu và nước đi vào bể 3; tại bể 3 tách được xăng dầu ra khỏi nước và được vớt hoặc hút lấy ra cùng với cặn ở bể 2 & 3 được lấy bằng phương pháp thủ công và được bỏ vào thùng chứa chất thải nguy hại, quản lý theo đúng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Bể lắng tách có dung tích 02m³ (D×R×C: 2m×1m×1m). Bể chứa nước nhiễm dầu có thiết kế van khóa, để ngăn nước thải chưa đảm bảo chất lượng chảy tràn ra môi trường, tại đây nước nặng hơn nằm phía dưới theo vòi dẫn chảy vào hố thu gom và lưu chứa nước thải sau xử lý, để tái sử dụng.

Hình 5: Sơ đồ hệ thống bể lắng tách xăng dầu ra khỏi nước thải



1. Hố gas 3. Bể tách nước, dầu. 5. Lỗ thông hơi.
2. Bể lắng cặn. 4. Bể chứa nước nhiễm dầu 6. Van khóa

+ Kết cấu: Bể lắng tách có dung tích $2,0m^3$ ($D \times R \times C$: $2m \times 1m \times 1m$), các bể được chủ đầu tư xây dựng đúng quy cách: các bể đều trát đáy, được đúc bê tông kiên cố. Quy mô hoạt động của cửa hàng tương đối nhỏ lượng nước thải phát sinh không thường xuyên và đều đặn nên việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải như trên là hoàn toàn phù hợp với thực tế, ít ảnh hưởng đến môi trường.

+ Nước sau khi được xử lý sẽ đạt chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT, cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và CHXD trước khi đầu nối vào hố thu gom nước thải sau xử lý để được tái sử dụng.

+ Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn nước thải sau xử lý: Nước thải sau xử lý đạt: QCVN 29:2010/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và CHXD, chi tiết được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 6. Giá trị các thông số ô nhiễm theo QCVN 29:2010/BTNMT

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe
01	pH	-	5,5 - 9
02	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	150
03	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
04	Dầu mỡ khoáng	mg/l	30

Nguồn: QCVN 29:2010/BTNMT

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Cơ sở không có các công trình xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, cơ sở đã áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu bụi, khí thải tại cơ sở như sau:

2.1 Giảm thiểu ô nhiễm không khí từ hoạt động giao thông trong khu vực

- Toàn bộ khuôn viên cơ sở đã được bê tông hóa. Ngoài ra, cơ sở cũng đã trồng một số cây xanh nhằm hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hòa các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như SO_2 , CO_2 , hợp chất chứa nitơ, photpho, các yếu tố vi lượng độc hại khác như Pb, Cu, Fe,...

- Thường xuyên tưới rửa sân bê tông để ngăn ngừa bụi phát tán khi các phương tiện giao thông ra vào cơ sở.

- Quy định tốc độ khoảng 5km/h khi các xe lưu thông trong khuôn viên Cơ sở.

- Các loại xe tải chở nguyên vật liệu, xe máy nhân viên được đậu theo quy định tại nhà để xe nằm phía ngoài của Cơ sở, không có phương tiện di chuyển nội bộ trong khuôn viên Cơ sở. Việc làm này nhằm giảm thiểu tiếng ồn và khí thải phát sinh từ các loại phương tiện cơ giới, đảm bảo môi trường không khí tốt phục vụ cho quá trình nuôi. Khi xe vào Cơ sở được tắt máy nhằm hạn chế khí thải ra môi trường.

2.2 Giảm thiểu khói bụi do hoạt động của máy phát điện dự phòng

Máy phát điện dự phòng của dự án chỉ được vận hành khi có sự cố mất điện lưới. Do đó, nguồn ô nhiễm phát sinh từ máy phát điện dự phòng chỉ mang tính gián đoạn, không thường xuyên, mức độ tác động đến môi trường không cao. Tuy nhiên, để giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng, Cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

+ Sử dụng loại dầu DO có tỷ lệ %S= 0,05 để giảm nồng độ SO_2 trong khói thải;

+ Sử dụng ống khói cho máy phát điện;

+ Vị trí máy phát điện đặt cuối cơ sở và đặt cách xa so với các khu vực làm việc;

+ Để hạn chế lượng khí thải ô nhiễm phát sinh từ máy phát điện cơ sở đã đầu tư mua máy mới;

+ Máy phát điện được đặt trong phòng có tường dày và được đặt trên bệ bê tông chắc chắn, có đế cao su đàn hồi để giảm độ rung, hạn chế tiếng ồn khi máy phát điện hoạt động;

+ Thường xuyên kiểm tra định kỳ, bảo trì, bảo dưỡng để phát hiện và giải quyết kịp thời sự cố;

+ Bố trí chụp hút, đường ống dẫn thoát ra ngoài môi trường không khí bên ngoài qua ống khói;

+ Khu vực nhà máy phát điện đều có bố trí bình chữa cháy đảm bảo an toàn Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ.

2.3 Biện pháp giảm thiểu hơi phát sinh từ hoạt động kinh doanh xăng, dầu

+ Bồn chứa được chôn ngầm, khu vực bể chứa thông thoáng, lắp đặt hệ thống nhập kín và thu hồi hơi, hệ thống ống thoát có van chặn ngăn cháy, chiều cao đường ống đảm bảo theo QC 01:2020/BCT.

+ Thường xuyên kiểm tra bồn xăng, dầu; đường ống dẫn xăng, dầu; súng bơm xăng dầu,...nhằm phát hiện kịp thời sự cố xảy ra.

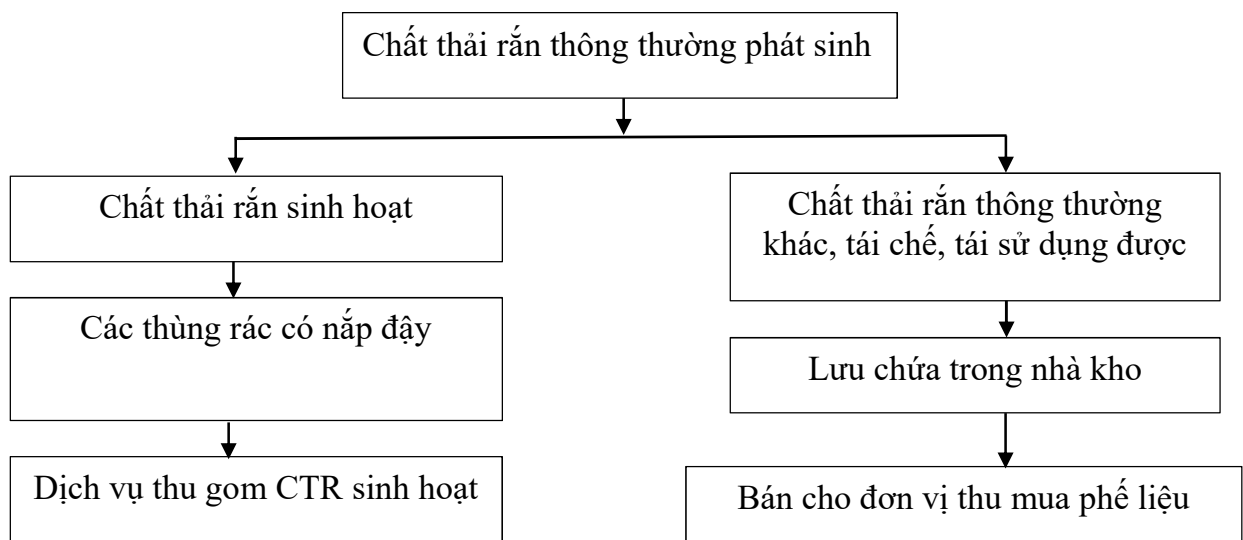
+ Thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải, thoát nước mưa và định kỳ phun xịt khử chất khử trùng khu vực cống rãnh thoát nước trong khuôn viên cơ sở.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho nhân viên (khẩu trang, mũ, quần áo...)

+ Thường xuyên khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Toàn bộ rác thải sinh hoạt, rác thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở đều được thu gom, tập trung tại kho chứa. Đơn vị thực hiện phân loại, lưu giữ khi có phát sinh các loại chất thải rắn theo quy định tại Luật BVMT năm 2020. Cụ thể quy trình thu gom đối với từng loại như sau:



Hình 6: Sơ đồ thu gom chất thải rắn thông thường tại Cơ sở

- *Biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt*

+ *Nguồn phát sinh:* Chất thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động hằng ngày của nhân viên làm việc trong cơ sở. Thành phần chính chủ yếu gồm vỏ trái cây, thức ăn dư thừa, bao bì, túi nilon, giấy, vỏ hộp,...

+ *Khối lượng phát sinh:* Hoạt động sinh hoạt của 04 nhân viên làm việc tại cơ sở phát sinh một lượng chất thải rắn sinh hoạt ước tính khoảng 1,0 kg/người/ngày. Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh 01 ngày của Cơ sở là 4kg/ngày.

Bảng 7: Thống kê chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	CTRSH	Khối lượng (kg/ngày)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH
1	Thức ăn thừa	1,5	HKD thu gom rác thải Thành Luân – Phước Minh
2	- Chai nhựa, túi ni lông, chai nước uống. - Giấy	1,0	Cơ sở thu mua phế liệu tại địa phương
3	Các loại bao bì bánh kẹo, giẻ lau, áo quần cũ, các vật dụng sinh hoạt hư cũ thải bỏ, vỏ trái cây, vỏ rau củ...	1,5	HKD thu gom rác thải Thành Luân – Phước Minh
Tổng số lượng		4,0	

(Nguồn: Công ty)

- *Biện pháp thu gom, lưu trữ, xử lý:*

+ Bố trí 02 thùng chứa chất thải bằng nhựa có khối tích > 60 kg có nắp đậy bên hông nhà bán hàng;

+ Để hạn chế chất thải sinh hoạt phát sinh và đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực dự án, cơ sở tiến hành thực hiện các biện pháp sau:

- Yêu cầu nhân viên và khách đến đổ xăng bỏ rác đúng nơi quy định, không vứt bừa bãi;

- Cuối mỗi ngày làm việc, tập kết tất cả rác thải sinh hoạt được thu gom tập trung về khu vực chứa rác;

- Hợp đồng với đơn vị địa phương đến thu gom hàng ngày và xử lý đúng quy định;

- Đối với rác thải được phân loại là lon bia, nước ngọt, bao bì giấy được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu;

- Để tránh tình trạng chất thải rắn tràn lan hay bị phân huỷ bởi các thành phần trong môi trường, toàn bộ lượng chất thải phát sinh trong cơ sở được gom tối thiểu 1 lần/ngày. Đồng thời bố trí nhân viên dọn dẹp, thu gom rác thừa rơi vãi sau khi thu gom và vệ sinh khu vực tập kết rác tránh gây ra mùi hôi, mỹ quan của cơ sở.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- *Nguồn phát sinh:* Trong quá trình hoạt động của Cơ sở phát sinh ra một

lượng chất thải nguy hại từ hoạt động kinh doanh như: giẻ lau dính dầu, bóng đèn hu hỏng, pin, thùng đựng nhiên liệu bôi trơn,....

- *Khối lượng phát sinh:* Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh ước tính khoảng 4kg/năm, được thống kê tại bảng sau.

Bảng 8: Thống kê chất thải nguy hại (CTNH)

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính.	16 01 06	0	Thu gom, phân loại lưu chứa và hợp đồng xử lý theo quy định	Hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển và xử lý
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.	17 02 03	0		
Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành nguy hại.	18 02 01	3		
Sơn, chất kết dính chứa TPNH	16 01 09	1		
Tổng số lượng		4		

(Nguồn: Chứng từ thu gom CTNH năm 2023)

- *Biện pháp lưu giữ:*

+ Chất thải nguy hại được thu gom, dán nhãn, ghi mã số sau đó lưu trong 05 thùng chứa có dung tích 20 lít. Thực hiện đúng trách nhiệm của chủ nguồn thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

+ Khu vực lưu chứa CTNH có diện tích 2m² (2m x 1m), kết cấu: có mái che, nền được tráng vữa chống thấm nước, có gờ cao không để nước mưa chảy tràn cuốn theo chất thải nguy hại;

+ Lượng CTNH được thu gom theo tính chất của từng loại chất thải, tùy theo tính chất hóa học và trạng thái vật lý (rắn, lỏng) để có phương án thu gom thích hợp;

+ Việc thu gom cần hết sức chú ý nhằm tránh tràn đổ, rò rỉ hay gây ra cháy nổ;

+ Dán nhãn trên các thùng chứa, bao chứa CTNH và hóa chất thải bỏ được dán nhãn để đơn vị thu gom dễ dàng trong công tác vận chuyển và bảo quản, đồng thời ghi

rõ các hiệu lệnh cảnh báo để tránh xảy ra các sự cố đáng tiếc;

- + Vị trí khu vực lưu trữ: khu vực lưu trữ được bố trí nằm tách biệt với khu văn phòng;

- + Khu vực lưu trữ có lắp đặt các thiết bị chiếu sáng, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định tại khu vực CTNH.

- *Xử lý CTNH.*

Chủ cơ sở đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường xanh PEDACO tại Hợp đồng số 30/2024/HĐKT/PDC-DKBT ngày 05/02/2024 đến thu gom và xử lý chất thải nguy hại cho cơ sở với tần suất 01 lần/năm. (hợp đồng được đóng kèm trong phần phụ lục).



Hình 7: Khu vực lưu chứa CTNH

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- *Nguồn phát sinh:* Tiếng ồn, độ rung chủ yếu phát sinh từ các hoạt động phương tiện xe ra vào Cơ sở và hoạt động của máy phát điện (dự phòng)

- *Biện pháp giảm thiểu:* Để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông, máy phát điện dự phòng..., chủ Cơ sở đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- + Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc nhằm hạn chế độ rung;
- + Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện thường xuyên nhằm phát hiện kịp thời các sự cố gây ra ồn, rung lớn;
- + Hoạt động ra vào của xe tải, xe máy vào Cơ sở tắt máy theo đúng quy định;
- + Máy phát điện được đặt tại vị trí riêng biệt, để tránh làm ảnh hưởng tiếng ồn đến khu vực xung quanh.

- *Tiếng ồn phát sinh tại các khu vực khác trong cơ sở:*

+ Tiếng ồn phát sinh từ sinh hoạt hằng ngày của nhân viên, khách đến đổ xăng và các phương tiện lưu thông trên đường Quốc lộ 1A, tuy nhiên, loại ô nhiễm này khó kiểm soát và thường thì không gây ảnh hưởng và tác động xấu đến môi trường nên được xem là không đáng kể, biện pháp chống ồn thường được áp dụng là trồng cây xung quanh khu vực và có khoảng cách ly an toàn đối với nguồn gây ồn;

+ Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn và độ rung của cơ sở được áp dụng theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn hạn chế tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Trong quá trình hoạt động của Cơ sở sẽ phát sinh nhiều nguyên nhân có thể gây ra các sự cố như: sự cố tai nạn lao động, sự cố cháy nổ, sự cố rò rỉ hóa chất... Để phòng ngừa và khắc phục các sự cố có thể xảy ra này, chủ Cơ sở đã xây dựng kế hoạch, các phương án để thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại cơ sở như sau:

6.1 Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu (UPSCTD):

+ Cơ sở đã được UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của CHXD Thuận Nam tại Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 04/5/2019.

+ Trang bị phương tiện UPSCTD, cụ thể:

Bảng 9: Thống kê trang thiết bị UPSCTD

STT	Thiết bị, phương tiện	ĐVT	Số lượng	Đặc trưng kỹ thuật	Nơi bố trí thiết bị, phương tiện
1	Chất thấm dầu/hóa chất trên bề mặt Premium Kleen Sweep	Bao	03	Bao 10 kg (Khả năng thấm hút 30-40 lít/bao)	Nơi làm việc

STT	Thiết bị, phương tiện	ĐVT	Số lượng	Đặc trưng kỹ thuật	Nơi bố trí thiết bị, phương tiện
2	Tấm thấm dầu	Chiếc	10	Kích thước 40cm x 50cm x 0.5cm	Nơi làm việc
3	Phao thấm dầu	Chiếc	02	Kích thước 7.6cm x 1.2cm	Nơi làm việc
4	Gối thấm dầu	Chiếc	02	Kích thước 20cm x 25cm	Nơi làm việc
5	Gàu xúc & Chổi	Bộ	01		Nơi làm việc
6	Găng tay PVC	Đôi	01		Nơi làm việc
7	Kính bảo hộ	Chiếc	01		Nơi làm việc
8	Bao đựng chất thải nguy hại	Bộ	10		Nơi làm việc
9	Hướng dẫn sử dụng	Bộ	01		Nơi làm việc
10	Thùng chứa có bánh xe màu cam	Chiếc	01	120 lít	Nơi làm việc

+ Tổ chức quán triệt và diễn tập các tình huống UPSCTD đã xây dựng, cơ bản với các bước sau:

• *Bước 1: Thông báo, báo động:*

✓ Thông báo nội bộ: Bất cứ cá nhân nào khi phát hiện sự cố đều phải thông báo kịp thời đến ban lãnh đạo, cửa hàng trưởng và các nhân viên trong cửa hàng.

✓ Thông báo đến các cơ quan quản lý có liên quan: Khi sự cố vượt quá khả năng ứng phó của cơ sở, thì cửa hàng trưởng phải nhờ sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý có liên quan như: Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam, Công an huyện Thuận Nam, Phòng cảnh sát PCCC Công an tỉnh (trường hợp cháy, nổ, cứu nạn), Ban chỉ huy Phòng chống Thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Công thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Thuận...

✓ Thông báo đến các khu vực lân cận: Dùng loa thông báo đến các khu vực lân cận để các đối tượng xung quanh và lân cận chủ động phòng ngừa, ứng phó sự cố. Như thế người dân sẽ có thời gian để sơ tán người già và trẻ em ra khỏi khu vực có khả năng dầu tràn đi qua.

✓ Ngoài việc kêu gọi hỗ trợ từ các cơ quan, Cơ sở phải kêu gọi hỗ trợ từ các đơn vị của các CHXD lân cận bên ngoài.

- *Bước 2: Xử lý sự cố*

Đội trưởng đội ứng phó tràn dầu cơ sở lập tức huy động lực lượng có mặt tại hiện trường thực hiện mọi khả năng hiện có để chặn đứng nguồn gây dầu tràn bằng các thiết bị, công cụ ứng phó sự cố tràn dầu.

- *Bước 3:*

Các chất thấm dầu và dầu bẩn được thu gom, lưu trữ tại các phuy chứa chất thải nguy hại được bố trí tại khu vực dành riêng có mái che tránh nắng mưa chiếu trực tiếp. Thùng phuy chứa chất thải nguy hại phải đảm bảo không bị rò rỉ, không bị tràn hoặc gây ô nhiễm ra môi trường đất và nước ngầm. Sau đó Cơ sở hợp đồng với đơn vị đủ điều kiện hành nghề vận chuyển, xử lý tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định.

- *Bước 4: Báo cáo sự cố*

Sau khi ngăn chặn được nguồn dầu tràn và làm sạch hiện trường thì chỉ huy hiện trường có nhiệm vụ báo cáo đến các bên có liên quan – khi đó hoạt động của các phương tiện bơm xuất tại cửa hàng mới được phép tiếp tục hoạt động.

- *Bước 5: Bồi thường thiệt hại*

Ban chỉ huy ứng phó khẩn cấp phân công chỉ huy hiện trường và cửa hàng trưởng phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức công tác tiến hành, công tác đánh giá mức độ ảnh hưởng đến môi trường do sự cố gây ra, điều tra thống kê các thiệt hại kinh tế và công tác xử lý làm sạch môi trường sau sự cố; Giải quyết khiếu nại liên quan đến công tác đền bù thiệt hại (nếu có): Kinh phí giải quyết bồi thường thiệt hại sẽ do cơ quan bảo hiểm chi trả và từ nguồn tài chính của doanh nghiệp.

- *Bước 6: Kết thúc ứng phó*

Cửa hàng trưởng sẽ là người chịu trách nhiệm ra quyết định kết thúc các hoạt động ứng phó. Riêng trong trường hợp có sự trợ giúp của lực lượng chức năng thì người ra quyết định tạm dừng ứng phó sẽ do lực lượng chức năng quyết định. Có thể căn cứ vào tình hình cụ thể để quyết định việc tạm dừng hoặc kết thúc hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu tại một, nhiều khu vực hay toàn bộ chiến dịch ứng phó.

6.2 Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

+ Phương tiện chữa cháy được trang bị tại cơ sở đảm bảo theo quy định tại QC 01:2020/BCT, bao gồm:

Bảng 10: Thống kê trang thiết bị PCCC& CNCH

STT	Thiết bị,	ĐVT	Số lượng	Đặc trưng	Nơi bố trí thiết bị, phương tiện
-----	-----------	-----	----------	-----------	----------------------------------

	phương tiện			kỹ thuật	
1	Bình chữa cháy MFZT 35	Bình	02	Bình bột	Khu vực cột bơm, nhà để máy phát điện
2	Bình chữa cháy MFZ 4	Bình	05	Bình bột	Khu vực cột bơm, nhà làm việc
3	Bình chữa cháy CO ₂	Bình	04	Bình khí	Khu vực bồn chứa, nhà để máy phát điện
4	Bi cát	Cái	01	Cát khô	Khu vực cột bơm
5	Bể chứa nước	Bể	01	Nước	Khu vực bồn chứa
6	Xẻng	Cái	02	Cán tre sơn đỏ	Khu vực bán hàng
7	Chăn	Cái	04		Khu vực bán hàng
8	Xô	Cái	02		Khu vực bồn chứa
9	Quần áo, nón, ủng, gang tay chữa cháy	Bộ	04		Đặt tại nhà làm việc
10	Mặt nạ lọc độc	Cái	04		Đặt tại nhà làm việc
11	Đèn pin	Cái	01		Đặt tại nhà làm việc
12	Rìu cứu nạn	Chiếc	01		Tủ đựng dụng cụ phá dỡ
13	Xà beng	Chiếc	01		Tủ đựng dụng cụ phá dỡ
14	Búa tạ	Chiếc	01		Tủ đựng dụng cụ phá dỡ
15	Kìm cộng lực	Chiếc	01		Tủ đựng dụng cụ phá dỡ
16	Túi sơ cứu loại A	Túi	01		Đặt tại nhà làm việc

+ Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về an toàn phòng cháy.

- + Xây dựng kế hoạch và định kỳ kiểm tra các phương tiện, thiết bị PCCC.
- + Đường nội bộ trong cơ sở được thiết kế rộng, đảm bảo xe chữa cháy ra vào dễ dàng.
- + Không: sử dụng nguồn điện của CHXD để sạc các phương tiện xe máy, xe đạp điện cá nhân và ô tô điện (chỉ được sạc tại các trụ sạc điện của Vinfast đã được cấp giấy phép theo quy định pháp luật); sạc pin điện thoại, thiết bị điện tử cá nhân qua đêm tại Văn phòng và CHXD.
- + Cửa hàng trưởng CHXD thường xuyên tổ chức kiểm tra, rà soát: Hệ thống điện, trụ bơm, hệ thống công nghệ (nhập – xuất – thở), hệ thống tiếp địa – chống sét, thiết bị chữa cháy ban đầu, ứng phó tràn dầu. . . đặc biệt chú ý đến trạm sạc điện của Vinfast (đối với các CHXD có trạm sạc Vinfast). Đảm bảo các phương tiện, thiết bị hoạt động tốt, an toàn khi hoạt động; không để vật dụng khác che chắn hoặc cản trở các thiết bị chữa cháy, đảm bảo sẵn sàng ứng cứu trong trường hợp khẩn cấp.
- + Các thiết bị sử dụng điện tại phòng làm việc phải được ngắt ra khỏi nguồn điện khi người làm việc không còn trong phòng/rời khỏi nơi làm việc; sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp các dụng cụ, trang thiết bị khi không sử dụng.
- + Thực hiện đúng quy trình xuất nhập hàng hoá, đảm bảo khoảng cách an toàn phòng cháy.
- + Nhân viên được tập huấn nghiệp vụ an toàn phòng cháy và chữa cháy.

6.3 Sự cố tai nạn lao động:

Để phòng ngừa sự cố tai nạn lao động. Cơ sở áp dụng các biện pháp sau:

- Quy định các nội quy làm việc tại Cơ sở, nội quy về trang phục bảo hộ lao động, nội quy về tiêu độc, khử trùng, nội quy về an toàn điện, nội quy an toàn giao thông, nội quy an toàn cháy nổ....
- Tổ chức theo dõi tai nạn lao động, xác định kịp thời nguyên nhân tai nạn và áp dụng các biện pháp khắc phục kịp thời nhằm tránh xảy ra tai nạn tương tự.
- Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân và tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1 Nguồn phát sinh nước thải

Cơ sở có 2 nguồn nước thải phát sinh là: nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn có dính xăng dầu, nhớt:

+ *Nước thải sinh hoạt*

Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt của 04 cán bộ công nhân viên hoạt động và khách hàng vắng lai tại Cơ sở mỗi ngày là 2,3 m³/ngày.

+ *Nước thải từ hoạt động kinh doanh*

Nước mưa chảy tràn có dính xăng dầu, nhớt ước tính phát sinh 1m³/ngày đêm.

Tổng lưu lượng nước thải mỗi ngày của Cơ sở từ hoạt động sản xuất ước tính tối đa khoảng **3,3 m³/ngày**.

1.2 Lưu lượng xả thải tối đa

- Tổng lưu lượng xin phép xả thải tối đa của Cơ sở là **3,3 m³/ngày.đêm**, trong đó:

+ Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt là **2,3 m³/ngày.đêm**

1.3 Dòng nước thải

+ Dòng số 1: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên, khách hàng được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn sau đó sẽ được đầu nối vào hố thu gom và lưu chứa nước thải sau xử lý, để tái sử dụng.

+ Dòng số 2: Nước thải dính xăng dầu, nhớt cặn trong hố được chủ cơ sở vớt thủ công và xử lý như CTNH, sau đó sẽ được đầu nối vào hố thu gom và lưu chứa nước thải sau xử lý, để tái sử dụng.

1.4 Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

Nước thải sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, k=1, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Các thông số xác định chất lượng nước thải sinh hoạt sau xử lý bao gồm: pH; BOD₅ (20⁰C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng chất rắn hòa tan; Sunfua (tính theo H₂S); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P); Tổng Coliforms. Các chất ô nhiễm và giá trị các chất ô nhiễm trong dòng nước thải được trình bày chi tiết tại bảng sau:

Bảng 11. Giá trị các thông số ô nhiễm theo QCVN 14:2008/BTNMT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, k=1
01	pH	-	5 - 9
02	BOD5	mg/l	50
03	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
04	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	mg/l	1000
05	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4
06	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
07	Nitrat NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/l	50
08	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
09	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

1.5 Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải:

+ Nước thải sau xử lý tại bể tự hoại và hố gạn dầu của Cơ sở sẽ được đầu nối vào hố thu gom và lưu chứa nước thải sau xử lý, để tái sử dụng.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải của Cơ sở có hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108⁰30', múi chiều 3⁰:

- Hàm tự hoại: X(m) = 570003.55; Y(m) = 1263212.23

- Hố gạn dầu: X(m) = 570024.62; Y(m) = 1263216.35

- Phương thức xả thải: Tự chảy tràn gián đoạn.

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt tại cơ sở sau xử lý tại hầm tự hoại sẽ được đầu nối vào hố thu gom và lưu chứa nước thải sau xử lý, để tái sử dụng.

+ Nước thải có lẫn dầu: Nước thải sau khi được xử lý tại hố gạn dầu sẽ được đầu nối vào hố thu gom và lưu chứa nước thải sau xử lý, để tái sử dụng.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: hố thu gom và lưu chứa nước thải sau xử lý, để tái sử dụng tại thôn Quán Thẻ 2, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải

+ Nguồn 1: Tủ máy phát máy phát điện dự phòng có công suất 10KVA khi

hoạt động.

+ Nguồn 2: Từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở.

Những nguồn phát sinh bụi, khí thải này tại cơ sở mang tính cục bộ, phát sinh không thường xuyên. Đã được Cơ sở áp dụng các biện pháp để xử lý nhằm giảm thiểu khí thải phát tán ra môi trường xung quanh. Do đó, cơ sở không đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải tại Cơ sở.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1 Nguồn phát sinh

+ Nguồn số 1: Từ máy phát điện dự phòng công suất 10KVA khi hoạt động

+ Nguồn số 2: Từ các máy móc trong quá trình hoạt động sản xuất của Cơ sở và xe cộ ra vào Cơ sở.

3.2 Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ **Tiếng ồn:**

Bảng 12: Thông số tiếng ồn của Cơ sở

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn cho phép về tiếng ồn theo QCVN 26: 2010/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	Theo kế hoạch của Cơ sở và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền	Khu vực thông thường

+ **Độ rung:**

Bảng 13: Thông số độ rung của Cơ sở

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép theo QCVN 27: 010/BTNMT(dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		

1	70	60	Theo kế hoạch của Công ty và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền	Khu vực thông thường
---	----	----	---	----------------------

3.3 Phương thức xử lý tiếng ồn, độ rung:

+ Máy phát điện được đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su, gỗ nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung.

+ Thường xuyên kiểm tra định kỳ, bảo dưỡng các máy móc luôn trong tình trạng hoạt động tốt, chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị là 03 tháng/lần; tra dầu nhớt, bảo dưỡng hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho máy móc...

+ Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định.

+ Thường xuyên theo dõi, bảo trì kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ máy phát điện.

Do đó, Cơ sở không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

4. Nội dung cấp phép chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Bảng 14: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở (CTNH)

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính.	16 01 06	0	Thu gom, phân loại lưu chứa và hợp đồng xử lý theo quy định	Hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển và xử lý
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.	17 02 03	0		
Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành nguy hại.	18 02 01	3		
Sơn, chất kết dính chứa TPNH	16 01 09	1		
Tổng số lượng		4		

4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Bảng 15: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở

TT	CTRSH	Khối lượng (kg/ngày)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH
1	-Thức ăn thừa	1,5	HKD thu gom rác thải Thành Luân – Phước Minh
2	- Chai nhựa, túi ni lông, chai nước uống. - Giấy	1,0	Cơ sở thu mua phế liệu tại địa phương
3	Các loại bao bì bánh kẹo, giẻ lau, áo quần cũ, các vật dụng sinh hoạt hư cũ thải bỏ, vỏ trái cây, vỏ rau củ...	1,5	HKD thu gom rác thải Thành Luân – Phước Minh
Tổng số lượng		4,0	

(Nguồn: Công ty)

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- *Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:*

+ Thiết bị lưu chứa: gồm 05 thùng nhựa composite có nắp đậy, chứa có dung tích 20 lít, được dán nhãn, mã số chất thải nguy hại.

+ Khu vực lưu chứa: diện tích kho chứa CTNH: 2m², kết cấu: có mái che, nền được tráng vữa chống thấm nước, có gờ cao không để nước mưa chảy tràn cuốn theo chất thải nguy hại.

- *Biện pháp xử lý:* Lưu chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật cho Cửa hàng xăng dầu Thuận Nam với tần suất 01 lần/năm. (hợp đồng được đóng kèm trong phần phụ lục)

4.2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- *Thiết bị lưu chứa:* Bố trí 02 thùng chứa chất thải bằng nhựa có khối tích > 60 kg có nắp đậy bên hông nhà bán hàng;

- *Biện pháp xử lý:* Các chất thải có thể tái chế thì thu gom phân loại bán cho các đơn vị thu mua phế liệu tại địa phương. Các chất thải hữu cơ không thể tái chế thì

được thu gom và xử lý bởi đơn vị HKD thu gom rác thải Thành Luân – Phước Minh.

4.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Đối với phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

+ Thực hiện đầy đủ các biện pháp về đảm bảo an ninh, an toàn PCCC theo phương án chữa cháy cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Tại các vị trí dễ xảy ra cháy nổ đều được bố trí đầy đủ các trang thiết bị chữa cháy ban đầu. Thường xuyên nhắc nhở nhân viên và khách hàng chấp hành nghiêm túc nội quy PCCC.

+ Thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ các trang thiết bị, máy móc.

+ Thường xuyên kiểm tra, rà soát các hệ thống điện, trụ bơm, hệ thống công nghệ nhằm khắc phục và sửa chữa kịp thời những thiết bị không đảm bảo chất lượng hoặc hư hỏng, đảm bảo sẵn sàng ứng cứu kịp thời các sự cố cháy, nổ ở ngay giai đoạn mới phát sinh.

- Đối với tác động do sự cố tràn dầu:

+ Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu theo nội dung kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 đã được phê duyệt.

+ Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó, tổ chức ứng phó và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường. Tổ chức quán triệt và diễn tập các tình huống ứng phó sự cố tràn dầu đã xây dựng của cơ sở.

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

1.1. Quan trắc định kỳ môi trường nước thải

* Kết quả quan trắc nước thải.

- Thời gian quan trắc: 22/12/2022; 12/12/2023

- Tần suất quan trắc: 01 năm/lần.

- Vị trí quan trắc nước thải:

+ 01 mẫu nước thải tại hố thu gom dầu nhớt.

* Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN:

Nước thải: QCVN 29:2010/BTNMT cột B - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và Cửa hàng xăng dầu.

* Kết quả quan trắc nước thải:

Kết quả quan trắc chất lượng nước thải hố thu gom dầu nhớt được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 16: Kết quả quan trắc nước thải tại cơ sở

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN40: 2011/BTNMT, cột B
			Năm 2022	Năm 2023	
1	pH	-	6,76	6,85	5,5 -9
2	Dầu mỡ khoáng	mg/l	2,5	3,0	30
3	COD	mg/l	18,4	19,0	150
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	18,0	17,5	120

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Bình Thuận)

Nhận xét: Dựa vào kết quả phân tích các chỉ tiêu trong mẫu nước thải cho thấy: Nước thải số các chỉ tiêu phân tích đều đạt so với QCVN 29:2010/BTNMT cột B.

1.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

Theo khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì Cơ sở thuộc loại hình không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động. Do vậy, trong nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Cơ sở không đề cập đến nội dung quan trắc nước thải liên tục, tự động.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

* Kết quả quan trắc không khí xung quanh

- Thời gian quan trắc: 22/12/2022; 12/12/2023
- Tần suất quan trắc: 01 năm/lần.
- Vị trí quan trắc không khí.

+ 01 mẫu không khí tại khu vực trụ bơm.

** Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN:*

Không khí: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

** Kết quả quan trắc*

Kết quả quan trắc chất lượng chất lượng không khí được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 17: Kết quả quan trắc mẫu khí thải xung quanh khu vực trụ bơm

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả năm 2022	Kết quả năm 2023	QCVN 05:2023/BTNMT
1	Bụi	µg/l	0,14	0,14	300
2	CO	µg/l	6,8	6,8	30.000
3	SO ₂	µg/l	0,11	0,09	350
4	NO ₂	µg/l	0,11	0,07	200
5	Benzen	µg/l	KPH	KPH	22
6	Xylene	µg/l	KPH	KPH	1000
7	Toluene	µg/l	KPH	KPH	500

(Nguồn: Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Bình Thuận)

Ghi chú: (KPH: Không phát hiện)

Nhận xét: Dựa vào kết quả phân tích cho thấy chất lượng không khí của Cơ sở đều nằm trong quy chuẩn cho phép QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở

Theo quy định tại khoản 3, Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường; điểm d, khoản 1, Điều 31- Nghị định 08/2022/ND-CP Cơ sở không thuộc diện phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Hàng năm Cơ sở đã thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường gửi về phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thuận Nam để theo dõi và giám sát.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

+ Quan trắc nước thải định kỳ

Căn cứ khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc định kỳ đối với nước thải.

+ Quan trắc khí thải định kỳ

Căn cứ khoản 2 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì dự Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc định kỳ đối với khí thải.

*** Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải CNTT, CTNH**

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa chất thải.
- Chỉ tiêu giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Quy định áp dụng: Theo khoản 2, Điều 58 và khoản 1, Điều 71 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Cụ thể:

+ Thường xuyên thống kê, phân loại, theo dõi, giám sát tổng lượng thải chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở.

+ Các số liệu trên phải thường xuyên được cập nhật đánh giá và ghi nhận kết quả để làm Cơ sở báo cáo tình hình công tác bảo vệ môi trường cuối năm theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT 10/01/2022 và gửi báo cáo về Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thuận Nam để theo dõi, quản lý.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

+ Quan trắc nước thải liên tục, tự động

Căn cứ khoản 1 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

+ Quan trắc khí thải liên tục, tự động

Căn cứ khoản 1 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục đối với bụi, khí thải công nghiệp.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ Cơ sở

Không có

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Do cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc tự động, liên tục chất thải theo hằng năm nên không có kinh phí thực hiện quan trắc môi trường.

Chương VII

KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong quá trình hoạt động, Cơ sở luôn chấp hành tốt các biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật. Trong năm 2023, Đoàn kiểm tra của UBND huyện Thuận Nam đã kiểm tra Cơ sở về công tác bảo vệ môi trường và tài nguyên nước, thì các hoạt động của Cơ sở chấp hành tốt theo quy định của Pháp luật quy định.

Chương VIII **CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận cam kết bảo đảm về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cửa hàng xăng dầu Thuận Nam là đúng sự thật. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận - cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

- Về thu gom và xử lý nước thải

Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh.

Xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Cơ sở đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Về thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Cơ sở cam kết thường xuyên thu gom rác đảm bảo vệ sinh môi trường, không làm ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 01 tháng 01 năm 2022 của Bộ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Về thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Cam kết khắc phục, giảm thiểu sự cố:

+ Cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng chống cháy nổ, sự cố

tai nạn lao động và các biện pháp giảm thiểu sự cố khác như đã đề ra.

+ Cam kết thu gom, phân loại và thuê đơn vị đủ chức năng để xử lý các loại CTRSH, chất thải rắn sản xuất và CTNH phát sinh, bảo đảm tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

+ Cam kết chịu trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở. Cam kết định kỳ lập báo cáo về công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo đúng quy định./.

+ Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết.

PHỤ LỤC

Số: 111/GCNĐDK-SCT

Ninh Thuận, ngày 12 tháng 8 năm 2019

GIẤY CHỨNG NHẬN
CỬA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU
Cấp lần thứ nhất ngày 12 tháng 8 năm 2019

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 51/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, biên chế của Sở Công Thương tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Xét hồ sơ đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận tại Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Phụ trách phòng Quản lý Thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

1. Tên cửa hàng bán lẻ xăng dầu: **THUẬN NAM**

Địa chỉ: QL1A, thôn Quán Thẻ 2, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Điện thoại: 02593 501 353

Thuộc doanh nghiệp: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ BÌNH THUẬN TẠI NINH THUẬN**

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính: 13B Lương Ngọc Quyên, phường Phủ Hà, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Số điện thoại: 02593 523 041

số Fax: 02593 826 295

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 3400374220-006 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Ninh Thuận cấp lần đầu ngày 25 tháng 11 năm 2008 (đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18/8/2015).

Giấy chứng nhận mã số thuế: 3400374220-006

Đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

2. Thương nhân cung cấp xăng dầu

Tên thương nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ BÌNH THUẬN**

Địa chỉ trụ sở chính: 97 Trần Hưng Đạo, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Số điện thoại: 02523 822 467

Fax: 02523 828 274

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400374220-006 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2003 (đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 22/5/2019).

Mã số thuế: 3400374220

Điều 2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận tại Ninh Thuận phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu này *có giá trị đến hết ngày 11 tháng 8 năm 2024./.*

Nơi nhận:

- CN Cty CP XDDK BT tại NT (bản gốc);
- Bộ Công Thương (b/c);
- Các sở, ngành: KH&ĐT, TN&MT; XD, PCCC;
- Cục QLTT (p/hợp);
- UBND huyện Thuận Nam;
- Lưu: VT, TM.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Quốc Sanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA

Về việc chấp hành các quy định về công tác ứng phó sự cố tràn dầu của
Cửa hàng xăng dầu ...Thuận Nam.....của ...Công ty cổ phần XD DK BT..
Tại xã ...Phước Ninh...huyện ...Thuận Nam...

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 2291/VPUB-KTTH ngày 01/6/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phòng, chống cháy nổ và ứng phó sự cố tràn dầu đối với các hoạt động chuyển tải, tiếp nhận, bơm hút xăng dầu của các phương tiện có hoạt động liên quan đến xăng dầu và Thông báo số 2858/TB-STNMT ngày 14/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh;

Hôm nay, vào lúc ...8...giờ ...0...phút ngày 20/6/2023, Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra thực tế việc chấp hành pháp luật về thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với Công ty ...Công ty XD DK Bình Thuận tại Cửa hàng xăng dầu ...Thuận Nam.....

I. Thành phần tham dự gồm:

1. Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Ông Đỗ Phước Vinh – Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Biển.
- Ông Nguyễn Văn Bắc – Chuyên viên Phòng Biển.
- Bà Báo Thị Châu Âu – Chuyên viên Phòng Biển.

2. Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CHCN – Công an Tỉnh:

- Ông: ...Vàng.....

3. Đại diện UBND xã (phường, thị trấn): Phước Ninh.

- Ông: ...Trần Đăng Tuấn...Ce địa chính.....

4. Đại diện Công ty: ...Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận...

- Ông: ...Trần Văn Minh...Giám đốc Chi nhánh tại xã Thuận...

II. Kết quả kiểm tra tại thực địa:

1. Việc chấp hành các quy định về công tác ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty: ...Công ty XD DK Bình Thuận.....

- Công tác lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở.

Cửa hàng xăng dầu Thuận Nam đã được UBND tỉnh phê duyệt KHHPSCTD tại Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 04/5/2019.

- Tình hình chuẩn bị lực lượng, phương tiện và trang thiết bị, vật tư chuyên dụng để tổ chức ứng phó sự cố tràn dầu cơ sở

+ Công ty đã trang bị đầy đủ các trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu tại Cửa hàng theo quy định (tại Báo cáo số 1170/XDĐT-KHĐT-SHT ngày 16/6/2023)

+ Về lực lượng UPSCTD: khi có sự thay đổi về thành viên Tổ UPSCTD, Công ty đã chủ động điều chỉnh nhân sự kịp thời, đảm bảo UPSCTD tại cửa hàng.

Tại thời điểm kiểm tra, các trang thiết bị của cửa hàng gồm có:

Qua kiểm tra, tại cửa hàng Xăng dầu Thuận Nam đã trang bị các trang thiết bị để UPSCTD theo quy định; bổ sung các vật dụng gọn gàng, tập trung.

- Phương án đầu tư trang thiết bị, vật tư để từng bước nâng cao năng lực tại ứng phó sự cố tràn dầu tại cơ sở hoặc ký kết thỏa thuận, hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với cơ quan đơn vị có năng lực để triển khai khi có tình huống

Công ty cần nâng kỹ kết hợp để mua sắm
 trang thiết bị với các đơn vị có năng lực khi có
 đủ cơ sở vật chất, mặt khác, hàng năm dự báo tài chính
 thực tế, Công ty sẽ tăng cường bổ sung các trang thiết bị,
 phục vụ tiến độ ứng phó tại cửa hàng.....

- Thông tin về sự cố tràn dầu xảy ra tại cơ sở và công tác khắc phục sự cố
 tràn dầu nếu có

Không có.....

- Công tác tổ chức tập huấn, diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở
 hàng năm.

Công ty tổ chức tập huấn, diễn tập định kỳ
 và SCOD theo quy định

(Xem theo biên bản diễn tập định kỳ)

- Công tác thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy
 hại của cơ sở

Đã ký kết Hợp đồng thu gom rác thải theo
 quy định

Thực hiện công tác BVMT theo qđ

- Công tác cập nhật thông tin kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở
 (khi có sự thay đổi một số nội dung)

Thực hiện theo đúng quy định tại QĐ số 12/2021/
 QĐ-Vũng ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ
 Hiện nay, nhân viên bán hàng luôn thay đổi, Công ty đã

Có Quyết định thành lập nhân sự theo QĐ số 1172/QĐ-XPBT.

2. Đánh giá chung

2.1. Ưu điểm

- Công tác thay đổi đội ngũ thiết bị, duy trì xử lý xăng - dầu theo quy định, duy trì kế hoạch đã duyệt.
- Đồ chơi tập huấn, diễn tập các tình huống theo kế hoạch.

2.2. Hạn chế, tồn tại:

- Các quyết định điều chỉnh Tổ kỹ thuật SCD tại cửa hàng chỉ lưu nội bộ, khi có vấn đề báo cáo cho cơ quan chức năng trước biết, giám sát theo quy định.
- Chưa thực hiện báo cáo theo quy định đã được UBND tỉnh phê duyệt KHTPSCD.

2.3. Biện pháp xử lý

- Khi có sự thay đổi về thành viên của Tổ UPSCD, lập tức có văn bản điều chỉnh và có thị báo cáo cho cơ quan chức năng có liên quan để biết.
- Định kỳ 06 tháng và hàng năm, Công ty sẽ báo cáo kết quả thực hiện KHTPSCD tại cửa hàng gửi Sở DNTT theo quy định.

3. Đề xuất, kiến nghị

- Có nhu cầu tăng kỹ thuật tập huấn, diễn tập về UPSCD khi cấp huyện, tỉnh mở lớp, nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho nhân viên tại cửa hàng.

4. Ý kiến thống nhất của các thành viên tại buổi kiểm tra

- Đề nghị Công ty thực hiện nghiêm túc quyết định phê duyệt

KHUPSCO tài của hàng; báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ gửi Sở Tài.

Khi có sự thay đổi về thành viên của Tổ UPSCO, đề nghị Công ty có văn bản thông báo cho cơ quan chức năng để biết, nắm bắt.

Biên bản kết thúc vào lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày, các thành viên đã thông qua và thống nhất ký tên./.

Đại diện Sở Tài và Môi trường

Phuoc Huu

Đỗ Phước Vĩnh

Đại diện Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu Khí Bình Thuận

Trần Văn Thuận

Trần Văn Thuận

Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CHCN – Công an Tỉnh

Vàng

Đại diện UBND xã, phường, thị trấn L. H. M.

Trần Văn Thuận
Trần Văn Thuận

**TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH THUẬN**

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 359 /2023/3-4-5-6.130.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ phần Môi trường Xanh Pedaco Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.130.VX
Địa chỉ văn phòng: Tòa nhà Petrovietnam, phòng 102, 1-5 đường Lê Duẩn, p. Bến Nghé, quận 1, TP. HCM
ĐT: 0249 9955868

Địa chỉ cơ sở: Thôn Tân Lý 1, xã Tân Bình, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận. ĐT: 0252 6292222

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận (PVOIL Bình Thuận)
Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: số 97 Trần Hưng Đạo, P. Phú Thủy, tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận ĐT: 0252 383 1427
Địa chỉ cơ sở: Cửa hàng xăng dầu Thuận Nam - xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận
ĐT: 0252 383 1427

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Stt	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Hộp mực in thải nhiễm TPNH	X			08 02 04		
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		
3	Vật liệu lọc, giẻ lau dính dầu nhớt	X			18 02 01	3	TĐ
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải từ quá trình bảo trì		X		17 02 03		
5	Pin, ắc quy chì thải	X			19 06 01		
6	Sơn, chất kết dính chứa TPNH	X			16 01 09	1	TĐ
	Tổng cộng					4	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Không Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

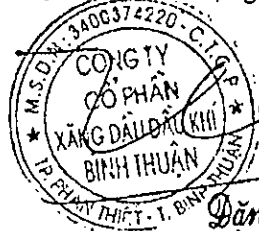
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
Số hiệu phương tiện: 86C 14625

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Đinh Trọng Phước Ký: Ngày: 19/07/2023

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5). *[Chữ ký]*

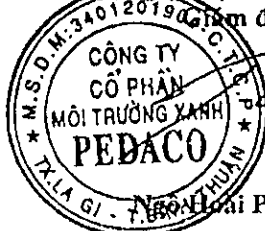
..... *Bình Thuận*, ngày 19 tháng 7 năm 2023



Dương Ngọc Phụng Tiên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

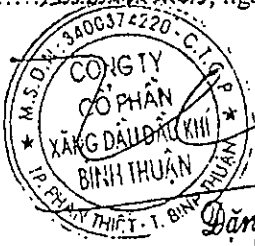
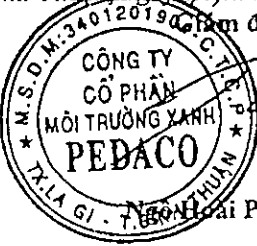
Bình Thuận, ngày 19 tháng 7 năm 2023



Nguyễn Hoài Phương

@Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

Ghi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH THUẬN		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 359 /2023/3-4-5-6.130.VX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty Cổ phần Môi trường Xanh Pedaco Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.130.VX Địa chỉ văn phòng: Tòa nhà Petrovietnam, phòng 102, 1-5 đường Lê Duẩn, p. Bến Nghé, quận 1, TP. HCM ĐT: 0249 9955868 Địa chỉ cơ sở: Thôn Tân Lý 1, xã Tân Bình, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận. ĐT: 0252 6292222							
2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH: Địa chỉ văn phòng: ĐT: Địa chỉ cơ sở: ĐT:							
3. Chủ nguồn thải: Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận (PVOIL Bình Thuận) Mã số QLCTNH: Địa chỉ văn phòng: số 97 Trần Hưng Đạo, P. Phú Thủy, tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận ĐT: 0252 383 1427 Địa chỉ cơ sở: Cửa hàng xăng dầu Thuận Nam - xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận ĐT: 0252 383 1427							
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Stt	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Hộp mực in thải nhiễm TPNH	X			08 02 04		
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		
3	Vật liệu lọc, giẻ lau dính dầu nhớt	X			18 02 01	3	TĐ
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải từ quá trình bảo trì		X		17 02 03		
5	Pin, ắc quy chì thải	X			19 06 01		
6	Sơn, chất kết dính chứa TPNH	X			16 01 09	1	TĐ
	Tổng cộng					4	
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Không		Nước nhập khẩu:		Cửa khẩu nhập:			
Số hiệu phương tiện:		Ngày xuất cảng:		Cửa khẩu xuất:			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện: 86C 14625							
7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Đinh Trọng Phước Ký: Ngày: 19/07/2023							
7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5). Bình Thuận, ngày 19 tháng 7 năm 2023 				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4. Bình Thuận, ngày 19 tháng 7 năm 2023 			
@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□ Ghi chú:							

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Mã số địa điểm kinh doanh: 00046

Đăng ký lần đầu, ngày 06 tháng 08 năm 2013

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 24 tháng 08 năm 2021

1. Tên địa điểm kinh doanh: ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CỬA HÀNG XĂNG DẦU THUẬN NAM - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ BÌNH THUẬN TẠI NINH THUẬN

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt: CHXD THUẬN NAM

2. Địa chỉ:

Thôn Quán Thê 2, Xã Phước Minh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Điện thoại: 0683.826195

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: TRẦN VĂN MUỖI

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/10/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034068009078

Ngày cấp: 10/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 300 Lê Duẩn, khu phố 3, Thị Trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 300 Lê Duẩn, khu phố 3, Thị Trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ BÌNH THUẬN TẠI NINH THUẬN

Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 3400374220-006

Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh: Số 13B Lương Ngọc Quyến, Phường Phú Hà, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam



**TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Văn Bình



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH-CÔNG TY ĐIỆN LỰC NINH THUẬN

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-028

Địa chỉ (Address): Đường 16/4, Phường Mỹ Hải, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Thuận Nam - Số TK: 116000182174 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TTN

Số (No): 65843

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Cửa Hàng Xăng Dầu Thuận Nam - Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Xăng Dầu Dầu Khí Bình Thuận Tại Ninh Thuận

Mã số thuế (Tax code): 3400374220-006

Địa chỉ (Address): Thôn Quán Thê 2, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.

Mã khách hàng (Customer's Code): PB18060012641

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2024 từ ngày 01/03/2024 đến ngày 31/03/2024	kWh	1.528	-	4.385.360
	(kèm theo bảng kê số 1373507251 ngày 03 tháng 04 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					4.385.360
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			350.829
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			4.736.189
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn một trăm tám mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - CÔNG TY ĐIỆN
LỰC NINH THUẬN
Ngày ký: 03/ 04/ 2024 14:04:14



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH-CÔNG TY ĐIỆN LỰC NINH THUẬN

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-028

Địa chỉ (Address): Đường 16/4, Phường Mỹ Hải, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Thuận Nam - Số TK: 116000182174 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TTN

Số (No): 82434

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Cửa Hàng Xăng Dầu Thuận Nam - Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Xăng Dầu Dầu Khí Bình Thuận Tại Ninh Thuận

Mã số thuế (Tax code): 3400374220-006

Địa chỉ (Address): Thôn Quán Thê 2, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.

Mã khách hàng (Customer's Code): PB18060012641

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2024 từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/04/2024	kWh	1.577	-	4.525.990
	(kèm theo bảng kê số 1384277755 ngày 03 tháng 05 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					4.525.990
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			362.079
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			4.888.069
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn triệu tám trăm tám mươi tám nghìn không trăm sáu mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - CÔNG TY ĐIỆN
LỰC NINH THUẬN
Ngày ký: 03/ 05/ 2024 15:38:46



Công ty Điện lực Ninh Thuận

Điện lực Thuận Nam

Thôn Văn Lâm 3, xã Phước Nam, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận
MST: 0300942001-028
Số tài khoản: 116000182174 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

19001006-19009000

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng

**Cửa Hàng Xăng Dầu Thuận Nam -
Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Xăng
Dầu Dầu Khí Bình Thuận Tại Ninh
Thuận**

Địa chỉ

Thôn Quán Thê 2, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam,
tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.

Điện thoại

0916412939

Email

Mã số thuế

3400374220-006

Địa chỉ sử dụng điện

Thôn Quán Thê 2, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam,
tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam (475NP/96/01 - 0916412939)

Mục đích sử dụng điện

100 % Kinh doanh - Toàn thời gian

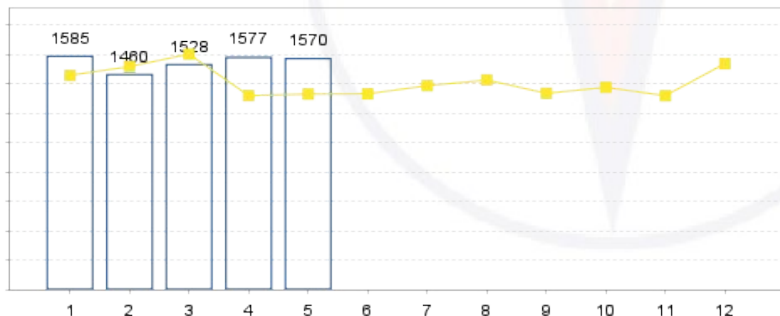
Cấp điện áp sử dụng

Dưới 380V

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 5/2024 (31 ngày từ 01/05/2024 đến 31/05/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
05249882				
Toàn thời gian	1	28.159	26.589	1.570
				Tổng: 1.570



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	2.870	1.570	4.505.900
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		1.570	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			4.505.900
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			360.472
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			4.866.372

Bằng chữ: Bốn triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng.



Mã khách hàng

PB18060012641



Số tiền thanh toán

4.866.372 đồng



Hạn thanh toán

18/06/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
<https://www.cskh.evnspsc.vn/>
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch
vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán
trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận
1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android



iOS



Android

Được ký bởi: CHI NHÁNH TỔNG
CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM
TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC NINH
THUẬN
Ngày ký: 03/06/2024

Thuận Nam



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 45 /GPXD

Cấp cho: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VĨNH THU.

Địa chỉ liên hệ: 239A, thống nhất, thành phố Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

Tên công trình: Cửa hàng xăng dầu Ngân Vĩnh Thu 2 do Công ty TNHH Việt Hoàng lập, được Công ty TNHH tư vấn xây dựng Minh Lộc thẩm tra tại Báo cáo số 83/2009/TT-TK ngày 12/12/2009.

Vị trí công trình: Thửa đất số 218, tờ bản đồ địa chính số 23, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam với diện tích khoảng 1.000m² được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CT00087 ngày 20/05/2010.

- Cốt nền xây dựng công trình: Cốt mặt nền nhà làm việc cao hơn cốt mặt đường Quốc lộ 1A là 0,45m.

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Vị trí xây dựng công trình được định vị cụ thể theo bản vẽ mặt bằng quy hoạch tổng thể công trình (ký hiệu XD 01/18). Trụ bơm cách mép đường Quốc lộ 1A tối thiểu là 27,0m.

- Hạng mục xây dựng: Nhà làm việc; Mái che trụ bơm và Bể ngầm chứa bồn xăng dầu.

- Diện tích xây dựng các hạng mục: Nhà làm việc: cấp IV, 01 tầng, diện tích xây dựng là 114,0m². Mái che trụ bơm có diện tích là 420,0m². Bể ngầm chứa bồn xăng dầu (02 bồn), diện tích xây dựng là 63,0m².

- Mật độ xây dựng toàn công trình: < 80% đảm bảo theo Quy chuẩn xây dựng.

- Chiều cao công trình: 7,6m tính từ cốt mặt nền mái che trụ bơm. Số tầng: trệt.

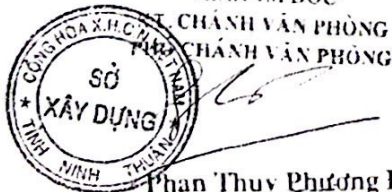
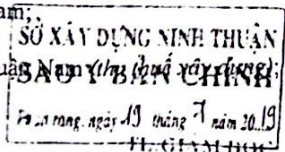
3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

4. Trước khi khởi công xây dựng công trình, đề nghị chủ đầu tư phải lập hợp đồng thi công với đơn vị thi công có tư cách pháp nhân. Đồng thời phải thông báo đến Chi cục thuế thành phố Thuận Nam biết để theo dõi thu thuế xây dựng.

Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 04 tháng 6 năm 2010.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện Thuận Nam;
- UBND xã Phước Minh;
- Chi Cục thuế huyện Thuận Nam (để nộp thuế xây dựng);
- Thanh tra Xây dựng;
- Lưu VT, QHKT.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Hậu

Thuận Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 109/UBND-KT

Thuận Nam, ngày 19 tháng 9 năm 2013

V/v chấp thuận chuyển đổi tên dự án trên Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường

Kính gửi: Chi nhánh Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận tại Ninh Thuận

Ủy ban nhân dân huyện tiếp nhận văn bản số 80/CNXDDKNT ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận tại Ninh Thuận, về việc đổi tên dự án trên Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Trạm xăng dầu Ngân Vĩnh Thu cũ.

Qua kiểm tra các văn bản liên quan, Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận việc chuyển đổi tên dự án trên Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường từ Trạm xăng dầu Ngân Vĩnh Thu 2 do Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vĩnh Thu quản lý sang Cửa hàng xăng dầu Thuận Nam thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận tại Ninh Thuận.

2. Các nội dung khác tại Giấy xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường số 09/GXN-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2010 do UBND huyện Thuận Nam cấp (kèm theo bản cam kết bảo vệ môi trường) cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vĩnh Thu sẽ không thay đổi. Đề nghị Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận tại Ninh Thuận nghiêm túc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường đã cam kết và khắc phục các nội dung còn tồn tại của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vĩnh Thu.

Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam thông báo cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận tại Ninh Thuận biết để thực hiện. Trường hợp có thay đổi công suất, quy mô kinh doanh, Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận tại Ninh Thuận phải báo cáo bằng văn bản gửi về UBND huyện Thuận Nam để được xem xét giải quyết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện (Đ/c Sây);
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Phước Minh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Sây

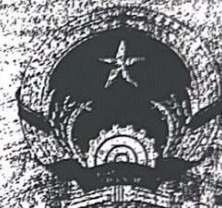
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Chuyển nhượng cho Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (GCNĐRDN số 0303793034 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/02/2013. Địa chỉ: Tầng 14-17, Tòa nhà Petro-Vietnam Tower, Số 1, Đường Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh theo số 16-32906286 CNVS. Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất xây dựng công trình kiến trúc dân dụng và đất giao thông và đất thương mại dịch vụ trong đó diện tích 19,5m chuyển nhượng đất nông nghiệp sang đất xây dựng công trình kiến trúc dân dụng và đất thương mại dịch vụ. Đàn tích 19,5m chuyển nhượng đất giao thông thuộc một phần thửa đất số 24 và thửa đất số 25 theo Quyết định số 24.7/20-UBND ngày 07/10/2013 số 16-32906286 CNVS.	08/8/2013 ĐÓNG PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH PHÒNG KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ Mặt Tuyên PHÒNG KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH PHÒNG KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ Phạm Thị Thủy

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7 290610 000185

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vĩnh Thu

GBKKD số 4500242974 cấp ngày 18/8/2010 của Phòng Đăng ký kinh doanh

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận

Địa chỉ: Số 239 đường Trường Chinh, phường Thanh Sơn, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

BB 649038

- Tổng số thửa đất: 3 ; tổng diện tích: 2474,8 m²

Tên công trình: Trạm xăng dầu Ngân Vĩnh Thu 2

879,8 m² thuộc hành lang an toàn Quốc lộ 1A

Số vào sổ cấp GCN: CT00185

... ..

Tỷ lệ 1:1000



MATTUYEN

Đơn vị:

Mã QHNS:

PHIẾU THU

Ngày 09 tháng 04 năm 2024

Số:

Mẫu số: C40-BB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

Quyển số:

Ng:

Có:

Họ và tên người nộp tiền:

Địa chỉ: Đ. - Phước Mỹ - Thuận Nam - NT

Nội dung: Tiền lãi quy (7+2)

Số tiền: 800.000 (Loại tiền):

(Viết bằng chữ): (Ba Trăm Ngàn đồng)

Kèm theo:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

HKD THU GOM RÁC THẢI
THÀNH LUÂN PHƯỚC MINH
Xã Phước Minh, Thuận Nam - NT
Số: 43G.8001704

NGƯỜI NỘP
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ QUỶ

(Ký, họ tên)

+ Tỷ giá ngoại tệ:

+ Số tiền quy đổi:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

Số: 30/2024/HĐKT/PDC-DKBT

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa II kỳ họp thứ VII thông qua và ban hành ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 08/2022 NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 02/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại có mã số QLCTNH: 3-4-5-6.130.VX & Công văn số 5326/BTNMT của Bộ Tài Nguyên & Môi trường về việc điều chỉnh thông tin chung của chủ dự án, chủ xử lý chất thải nguy hại cấp cho Công ty Cổ phần Môi trường Xanh PEDACO; Căn cứ nhu cầu, năng lực của hai Bên.

Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại này (sau đây gọi là “Hợp Đồng”) được lập và ký ngày 05 tháng 02 năm 2024, giữa các Bên gồm:

BÊN A (Chủ nguồn thải chất thải nguy hại):

Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ BÌNH THUẬN

Địa chỉ : Số 97 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Thủy, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Điện thoại : 0623828658 - 382865

Mã số thuế : 3400374220

Đại diện : DOÃN VĂN QUẢNG Chức vụ : Giám đốc

BÊN B (Chủ xử lý chất thải nguy hại):

Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH PEDACO

Địa chỉ : Thôn Tân Lý 1, xã Tân Bình, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận

Điện thoại : 024 999 55 868 Email: info@pedaco.com.vn

Mã số thuế : 3401201904

Đại diện : TRƯƠNG HỒNG PHƯƠNG Chức vụ : Tổng Giám Đốc

Tài khoản : 1014320908, ngân hàng ngoại thương Việt Nam, chi nhánh HCM

Sau khi bàn bạc và thỏa thuận, hai Bên thống nhất tiến hành ký kết Hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG DỊCH VỤ.

Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý thực hiện công việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (sau đây gọi tắt là "CTNH") theo các quy định của Hợp đồng và các quy định của pháp luật Việt Nam.

1.1 CTNH được thu gom, vận chuyển và xử lý:

Bên B chỉ tiến hành thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo quy định tại Hợp đồng khi CTNH đáp ứng các điều kiện:

- CTNH thuộc danh mục ghi nhận tại Điều 3.1 Hợp Đồng;
- CTNH được đảm bảo điều kiện lưu chứa theo quy định tại Điều 3.1 Hợp Đồng và quy định của pháp luật trước khi Bên B tiếp nhận.

1.2 Địa điểm thực hiện:

1.2.1 Địa điểm thu gom và giao nhận CTNH: Tại kho lưu giữ chất thải nguy hại của 75 CHXD. Trong đó có 61 CHXD tại Bình Thuận và 14 CHXD tại Ninh Thuận. Chi tiết 75 CHXD tại Danh sách đi kèm theo hợp đồng này.

1.2.2 Địa điểm xử lý và tiêu hủy CTNH: Khu liên hợp Xử Lý Chất Thải – Công ty CP Môi trường xanh PEDACO.

Địa chỉ: Thôn Tân Lý 1, xã Tân Bình, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

1.3 Thời gian thu gom:

Bên A có trách nhiệm thông báo bằng email, điện thoại hoặc văn bản cho Bên B biết lịch thu gom CTNH, khối lượng CTNH yêu cầu thu gom trước ít nhất (02) hai ngày (không bao gồm Chủ Nhật và ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

Bên B có trách nhiệm xác nhận về thời gian thu gom CTNH với Bên A.

ĐIỀU 2. GIAO – NHẬN CTNH

2.1. Mỗi chuyến vận chuyển đều phải lập thành Biên bản giao nhận, có đầy đủ chữ ký xác nhận của Đại diện các Bên theo quy định tại Điều 2.2 dưới đây.

2.2. Việc giao nhận CTNH chỉ được thực hiện bởi Đại diện của các Bên: Bên B chỉ tiến hành tiếp nhận CTNH theo hướng dẫn của Đại diện của Bên A. Bên A chỉ chuyển giao CTNH cho Đại diện của Bên B. Trong đó:

- Đại diện của Bên A là Người liên hệ quy định tại Khoản 1.2.1 Hợp Đồng hoặc nhân viên của bên A có mặt tại thời điểm giao nhận CTNH nhưng có sự thông báo của người liên hệ.

- Đại diện của Bên B là Người có tên trong giấy giới thiệu hoặc giấy điều động của Bên B.

2.3. Bên B không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đối với bất kỳ vấn đề gì phát sinh nếu:

- Không liên hệ được với Đại diện của Bên A khi xe vận chuyển đến Địa điểm thu gom và giao nhận CTNH theo kế hoạch tại Điều 1.3 Hợp Đồng, trường hợp này được xem Bên B đã hoàn thành nghĩa vụ của 1 lần thu gom.

- Bên A giao CTNH không đúng đối tượng như danh mục trong hợp đồng đã ký, trừ trường hợp có phát sinh bằng phụ lục hợp đồng thì bên B thực hiện thu gom như thỏa thuận.

2.4. Biên bản giao nhận CTNH được lập thành (02) hai bản (bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản), phải có đầy đủ chữ ký của Đại diện các Bên theo quy định tại Điều 2.2 nêu trên; ghi nhận đầy đủ thông tin về khối lượng CTNH giao nhận (đơn vị tính là kilogram), bao gồm: Khối lượng từng loại CTNH được xác định theo số lượng thực tế cân tại trạm cân của bên B.

ĐIỀU 3. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

3.1 Danh mục chất thải và đơn giá.

TT	Chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Đơn giá trọn gói
1	Hộp mực in thải nhiễm TPNH	08 02 04	Rắn	1.200.000 đồng/CHXD
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	
3	Vật liệu lọc, giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	Rắn	
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải từ quá trình bảo trì	17 02 03	Rắn	
5	Pin, ắc quy chì thải	19 06 05	Rắn	
6	Sơn, chất kết dính chứa TPNH	16 01 09	Rắn	

Ghi chú:

- Đơn giá trên là đơn giá khoán trọn 01 năm/ CHXD (của hàng xăng dầu), chưa bao gồm VAT.
- Khối lượng thu gom không vượt quá 100kg/ năm/ CHXD, tổng cộng 75 CHXD.
- Tần suất thu gom theo đơn giá khoán trọn là 1 lần/ năm/ CHXD;
- Tần suất thu gom theo đơn giá phát sinh là không giới hạn.
- Khối lượng thu gom tối đa là 7.500 Kg/ chuyến. Nếu khối lượng thu gom nhiều hơn 7.500 Kg/ chuyến thì chi phí vận chuyển phát sinh là 2.000.000 VND/ chuyến.
- Đơn giá phát sinh:

+ Chi phí vận chuyển được tính đối với 01 chuyến thu gom, vận chuyển chuyến thứ 02 trở đi đối với 1 CHXD là 3.500.000 VND/ chuyến cho 1 lần thu gom.

+ Chi phí xử lý CTNH được áp dụng khi tổng khối lượng các loại CTNH được thu gom và xử lý vượt quá 100kg/ CHXD/ năm:

Chi phí xử lý CTNH = Khối lượng CTNH phát sinh x Đơn giá 15.000 đ/kg (chưa VAT)

3.2. Khối lượng chất thải dùng để tính Giá dịch vụ được căn cứ dựa vào khối lượng cân thực tế tại bên A khi Bên B tiếp nhận CTNH, được ghi nhận tại Biên bản giao nhận giữa hai bên.

3.3. Phương thức thanh toán:

Chuyển khoản theo thông tin tài khoản của bên B ghi nhận tại phần đầu của hợp đồng.

- Phí chuyển khoản do bên A chi trả.
- Đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam.

3.4. Thời điểm thanh toán:

Bên A thanh toán 100% giá trị dịch vụ trong vòng 10 ngày kể từ ngày Bên A nhận đầy đủ bộ chứng từ yêu cầu thanh toán hợp lệ của bên B, bao gồm:

- Hóa đơn tài chính hợp lệ.
- Giấy đề nghị thanh toán của Bên B.
- Biên bản giao nhận chất thải giữa hai bên.
- Đầy đủ các chứng từ thu gom và xử lý CTNH theo đúng quy định.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Ngoại trừ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều khoản khác của Hợp đồng, các Bên còn có các quyền và nghĩa vụ sau:

4.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A.

- Tự chịu trách nhiệm pháp lý về tư cách của người ký Hợp Đồng;
- Trang bị kho lưu chứa và thiết bị lưu chứa theo đúng quy định của pháp luật trong thời gian lưu trữ CTNH đến khi bàn giao CTNH cho Bên B;
- Mỗi loại CTNH phải được lưu giữ vào phương tiện chứa CTNH riêng biệt đảm bảo không để rơi vãi, rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên, mã số CTNH và không được để lẫn các CTNH khác ngoài danh mục quy định tại Điều 3.1 Hợp Đồng. Quy cách lưu trữ CTNH phải theo quy định của Pháp Luật;
- Khi chuyển giao CTNH phải đính kèm các chứng từ chuyển giao, bao gồm Biên bản giao nhận. Chứng từ chuyển giao phải ghi rõ ràng đầy đủ thông tin và ký tên;
- Bàn giao đúng khối lượng (biên độ dao động cho phép $< 5\%$) và chủng loại CTNH theo Thông báo yêu cầu thu gom CTNH quy định tại Điều 1.3 Hợp Đồng;
- Không sử dụng hợp đồng để làm cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH đối với các nguồn chủ thải, chủ xử lý khác.
- Khi khối lượng CTNH lớn, công kênh không thể bốc bằng tay thì bên A phải cho xe nâng để hỗ trợ bốc hàng lên xuống xe.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Tự chịu trách nhiệm pháp lý về tư cách của người ký Hợp Đồng;
- Bên B phải thực hiện yêu cầu hợp lý về thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH cho bên A theo danh mục, khối lượng, thời gian và địa điểm đã xác nhận với bên A;
- Bên B bảo đảm thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của bên A theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;
- Trong vòng (5) năm tuần sau khi nhận chất thải phải giao trả cho Bên A chứng từ CTNH đã xử lý với điều kiện Bên A đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo Điều 3 Hợp Đồng. Nếu Bên A

vi phạm điều khoản thanh toán thì thời gian giao trả chứng từ sẽ cộng thêm tương ứng với thời gian Bên A chậm thanh toán;

- Trong trường hợp xe hư hỏng, Bên B phải sắp xếp (bổ trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong thời gian sớm nhất, không quá (48) giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố hư hỏng;

- Bên B chỉ thu gom CTNH của bên A khi đã được thỏa mãn đúng điều kiện lưu trữ CTNH (chứa trong vật chứa chuyên dụng hoặc trong các bao chứa CTNH). Bên B có quyền từ chối thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH nếu Bên A vi phạm quy định về điều kiện lưu trữ;

- Bên B cung cấp cho Bên A các loại giấy phép: Giấy phép kinh doanh, giấy phép xử lý chất thải nguy hại (mỗi loại 2 bản) và phải bổ sung lại nếu các giấy tờ trên hết hạn.

ĐIỀU 5. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

5.1. Không bên nào phải chịu trách nhiệm trong việc không thực hiện hoặc chậm thực hiện các nghĩa vụ của bên đó quy định trong hợp đồng, nếu như việc chậm thực hiện hoặc không thực hiện đó là do các sự kiện bất khả kháng.

5.2. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện cùng một lúc nằm ngoài ý muốn của bên bị ảnh hưởng, không thể lường trước được và không thể khắc phục được, bao gồm nhưng không giới hạn như: Thiên tai hoặc điều kiện thời tiết khắc nghiệt, hỏa hoạn, cháy nổ, phá hoại, khủng bố, xâm lược, nổi loạn, chiến tranh hoặc nguy cơ chiến tranh, dịch bệnh, cắt điện trong một thời gian dài, cấm vận, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của các cơ quan nhà nước Việt Nam

5.3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng (05) năm ngày sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng trong văn bản thông báo cần nêu rõ các yếu tố cấu thành bất khả kháng, cũng như thời gian dự tính kéo dài của sự kiện bất khả kháng.

5.4. Thời hạn thực hiện những nghĩa vụ bị ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng sẽ được gia hạn thêm một thời gian tương đương với thời gian chậm trễ do yếu tố bất khả kháng gây ra.

5.5. Nếu như xảy ra yếu tố bất khả kháng, một trong các bên không thể thực hiện hoặc hoàn thành nghĩa vụ của mình theo quy định của hợp đồng, hoặc thời gian bất khả kháng kéo dài hơn (1) một tháng, các bên sẽ gặp gỡ để cùng xem xét bối cảnh thực hiện hợp đồng, bàn bạc và đưa ra quyết định hợp lý, bao gồm cả việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nếu các bên thỏa thuận như vậy.

ĐIỀU 6. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG – PHẠT VI PHẠM

6.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và không bị đơn phương chấm dứt thực hiện, trừ trường hợp quy định tại Điều 6.4 dưới đây.

6.2. Thời hạn hiệu lực: 01 năm kể từ ngày ký

6.3. Mọi sự bổ sung, sửa đổi Hợp Đồng phải được hai bên ký kết bằng văn bản (phụ lục hợp đồng) và là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng.

Nếu bất kỳ điều khoản của Hợp Đồng được phát hiện là vô hiệu, thì trong mọi trường hợp sự vô hiệu của điều khoản đó sẽ không đương nhiên dẫn đến sự vô hiệu hoặc mất hiệu lực của các điều khoản khác của hợp đồng. Trong trường hợp đó, các Bên sẽ cùng nhau thương lượng và chấp nhận bằng văn bản về một hoặc các điều khoản có giá trị khác để điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế các điều khoản vô hiệu đó.

6.4. Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Kết thúc Thời Hạn Hiệu Lực và các Bên không thỏa thuận việc gia hạn;
- Theo thỏa thuận của các Bên;
- Một bên đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp Đồng theo quy định của pháp luật và các thỏa thuận của Hợp Đồng này.

6.5. Một bên được quyền thông báo đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng nếu thông báo bằng văn bản cho bên còn lại biết ít nhất (30) ba mươi ngày tính đến ngày dự kiến chấm dứt thực hiện.

6.6. Trừ trường hợp quy định tại điều 5.5 nêu trên, nếu bên nào vi phạm nghĩa vụ đã cam kết quy định trong hợp đồng thì sẽ bị buộc phải thực hiện đầy đủ những quy định đó trong thời hạn do bên bị vi phạm yêu cầu. Nếu bên kia có quyền xem xét về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng và phạt vi phạm cũng như yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

6.7. Khi hợp đồng bị hủy bỏ thì Hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết, các bên không phải thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận, trừ thỏa thuận về phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và thỏa thuận về giải quyết tranh chấp.

6.8. Phạt vi phạm-bồi thường thiệt hại:

- Ngoài các trường hợp chịu phạt vi phạm quy định tại Hợp đồng, Bên nào vi phạm nghĩa vụ của Hợp Đồng này và gây ra thiệt hại cho Bên còn lại thì phải chịu phạt vi phạm theo yêu cầu của Bên bị vi phạm.

Mức phạt vi phạm: 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

- Bên nào vi phạm quy định của Hợp Đồng gây ra thiệt hại thì phải chịu trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên còn lại và/hoặc bên thứ ba có liên quan (nếu có), bao gồm trách nhiệm thanh toán mọi chi phí phạt vi phạm mà Bên bị thiệt hại phải chịu với cơ quan nhà nước có thẩm quyền/ bên thứ ba, chi phí khắc phục hậu quả...

- Bên cạnh các quy định phạt tại Điều khoản này, nếu Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán cho số tiền bị chậm thanh toán theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán kể từ ngày hết thời hạn thanh toán đến khi thanh toán xong.

ĐIỀU 7. BẢO MẬT

Các Bên cam kết tất cả thỏa thuận tại Hợp Đồng này được tuyệt đối bảo mật, không bên nào có quyền tiết lộ thông tin cho bên thứ ba với bất cứ mục đích gì. Nếu Bên nào tiết lộ thông tin làm thiệt hại về kinh tế và danh dự cho Bên kia thì hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Bên bị vi phạm.

ĐIỀU 8. THỎA THUẬN KHÁC

8.1. Trừ trường hợp Hợp đồng có quy định khác, việc trao đổi giữa Bên A và Bên B phải được lập bằng văn bản và sẽ có hiệu lực kể từ ngày nhận được tại địa chỉ của các Bên như quy định tại phần đầu của Hợp đồng. Tất cả các thông báo theo Hợp đồng sẽ chỉ có hiệu lực nếu được gửi bằng hình thức chuyển tay hoặc chuyển fax có ký nhận bằng văn bản của bên nhận, hoặc được gửi bằng đường thư bảo đảm phí trả trước đến địa chỉ của các Bên như quy định tại phần đầu của Hợp Đồng, hoặc tới các địa chỉ khác mà mỗi Bên có thể thông báo bằng văn bản cho bên kia.

8.2. Hợp đồng hợp tác được điều chỉnh theo luật pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Mọi tranh chấp phát sinh được các Bên ưu tiên giải quyết trên tinh thần thương lượng, hòa giải. Trong trường hợp các Bên không thể tự giải quyết thì các Bên có thể yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

8.3. Các văn bản sau sẽ được coi là hình thành và được hiểu là một phần của Hợp đồng:

- Hợp đồng kinh tế này;
- Các phụ lục, thỏa thuận bổ sung văn bản trao đổi của các Bên sau ngày ký Hợp đồng có liên quan đến đối tượng của Hợp đồng và việc thực hiện Hợp đồng;

Các Bên cam kết đã đọc kỹ, hiểu rõ nội dung; hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình; hiểu rõ hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng và tự nguyện ký tên trên Hợp đồng này.

Hợp Đồng được lập thành (4) bốn bản, mỗi bản gồm (7) bảy trang chữ, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ (2) hai bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Giám đốc



ĐOÀN VĂN QUẢNG

ĐẠI DIỆN BÊN B

Tổng Giám Đốc



TRƯƠNG ĐÌNH PHƯƠNG

DANH SÁCH CHXD THỰC HIỆN THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CTNH NĂM 2024

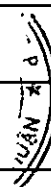
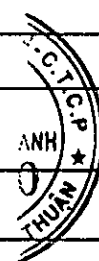
(Đính kèm Hợp đồng Số 30/2024/HĐKT/PDC-DKBT, ngày 05/02/2024)

TT	TÊN CỬA HÀNG XĂNG DẦU	ĐỊA ĐIỂM	Ghi chú
	PHAN THIẾT		
1	CHXD SỐ 2	4 Lê Hồng Phong, P. Phú Trinh, TP Phan Thiết, Bình Thuận	
2	CHXD SỐ 3	255 Nguyễn Hội, TP. Phan Thiết, Bình Thuận	
3	CHXD SỐ 5A	64 Trần Quý Cáp, P. Đức Long, TP. Phan Thiết, Bình Thuận	
4	CHXD SỐ 5B	96 Trần Quý Cáp, P. Đức Long, TP. Phan Thiết, Bình Thuận	
5	CHXD SỐ 6	181, Trần Hưng Đạo, P. Bình Hưng, TP. Phan Thiết, Bình Thuận	
6	CHXD SỐ 7	khu neo đậu tàu thuyền Phú Hải, phường Thanh Hải, TP. Phan Thiết, Bình Thuận	
7	CHXD SỐ 8	97 Trần Hưng Đạo, P. Phú Thủy, Phan Thiết, Bình Thuận	
8	CHXD Bến Cảng	Cảng cá Phan Thiết, P. Đức Thắng, TP. Phan Thiết, Bình Thuận	
9	CHXD SỐ 408	408 Thủ Khoa Huân, P. Phú Thủy, Phan Thiết, Bình Thuận	
10	CHXD Phú Hải	88 Nguyễn Thông, TP. Phan Thiết, Bình Thuận	
11	CHXD Hàm Mỹ	thôn Phú Phong, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, Bình Thuận	
12	CHXD Mũi Né	337 Huỳnh Thúc Kháng, P. Mũi Né, TP. Phan Thiết, Bình Thuận	
13	CHXD Thạch Long	69/1 Nguyễn Minh Châu, P. Mũi né, TP. Phan Thiết, Bình Thuận	
14	CHXD SỐ 12	xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	
15	CHXD Hàm Nhơn	thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	
16	CHXD Tà zôn	Hàm Đức, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	
17	CHXD Ma Lâm	thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	
18	CHXD Hàm Thắng	Thôn 2, xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	
19	CHXD Tân Thuận	thôn Hiệp Lễ, xã Tân Thuận, Hàm Thuận Nam, Bình Thuận	
20	CHXD Ba Bàu	thôn Ba bàu, xã Hàm Thạnh, Hàm Thuận Nam, Bình Thuận	
21	CHXD Km 27	KP Nam Tân, TT Thuận Nam, Hàm Thuận Nam, Bình Thuận	
22	CHXD Thanh Phong	thôn Thanh Phong, xã Tân Thuận, Hàm Thuận Nam, Bình Thuận	
23	CHXD Hàm Đức	Thôn 4, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	
24	CHXD Đức Long	16 Trần Quý Cáp, P. Đức Long, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	



25	CHXD Thanh Hải	Khu neo đậu tàu thuyền Phú Hải, P.Thanh Hải, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	
26	CHXD Thiện Nghiệp	Thôn Thiện An, xã Thiện Nghiệp, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	
	BẮC BÌNH		
27	CHXD Bình Tân	xã Bình Tân, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	
28	CHXD Lương Sơn	thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	
29	CHXD Tịnh Mỹ	thôn Tịnh Mỹ, xã Phan Thanh, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	
30	CHXD Sông Mao	xã Hải Ninh, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	
31	CHXD Ngã Tư	thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, Bình Thuận	
32	CHXD Liên Hương	29 đường 17/4, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, Bình Thuận	
33	CHXD Phan Rí	80 Thống Nhất, thị trấn Phan Rí, huyện Tuy Phong, Bình Thuận	
34	CHXD Cảng Phan Rí	Cảng cá Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	
35	CHXD Chí Công	xã Chí Công, huyện Tuy Phong, Bình Thuận	
36	CHXD Vĩnh Hào	xã Vĩnh Hào, huyện Tuy Phong, Bình Thuận	
	LA GI		
37	CHXD Thủy Sản	P.Phước Lộc, thị xã La Gi, Bình Thuận	
38	CHXD Tân Thắng	xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	
39	CHXD Số 1	32 Thống Nhất, P.Phước Hội, thị xã La Gi, Bình Thuận	
40	CHXD Số 2	124 Thống Nhất, P.Phước Hội, thị xã La Gi, Bình Thuận	
41	CHXD Số 5	KP.2, TT Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	
42	CHXD Số 6	KP.2, TT Tân Minh, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	
43	CHXD Cảng Cá La Gi	KP 1, P. Phước Lộc, thị xã La Gi, Bình Thuận	
44	CHXD Số 4 - Sông Phan	Thôn An Bình, xã Sông Phan, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	
45	CHXD Số 3 Lagi	Số 530 đường Thống Nhất, P.Tân An, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận	
	TÁNH LINH		
46	CHXD Lạc Tánh	khu phố Lạc Hóa 2, thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh, Bình Thuận	
47	CHXD Đồng Kho	xã Đồng Kho, huyện Tánh Linh, Bình Thuận	
48	CHXD Măng Tố	xã Măng Tố, huyện Tánh Linh, Bình Thuận	
49	CHXD Võ Xu	KP1, TT Võ Xu, huyện Đức Linh, Bình Thuận	
50	CHXD Võ Đất	258 đường 3/2, thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, Bình Thuận	
51	CHXD Đức Bình	xã Đức Bình, huyện Tánh Linh, Bình Thuận	

52	CHXD Đa Kai	xã Đa Kai, huyện Đức Linh, Bình Thuận	
53	CHXD Đức Nghĩa	xã Tân Hà, huyện Đức Linh, Bình Thuận	
54	CHXD Sùng Nhơn	xã Sùng Nhơn, huyện Đức Linh, Bình Thuận	
55	CHXD Tân Thành	khu phố Tân Thành, thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh, Bình Thuận	
56	CHXD Lạc Hưng	khu phố Lạc Hưng 2, thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh, Bình Thuận	
57	CHXD Huy Khiêm	thôn 3, xã Huy Khiêm, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận	
58	CHXD Đức Tín	Thôn 6, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận	
59	CHXD Mỹ Khánh	thôn 2, xã Sùng Nhơn, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận	
60	CHXD Biển Lạc	Thôn 5, xã Gia An, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận	
61	CHXD Gia Huynh	Thôn 3, xã Gia Huynh, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận	
	NINH THUẬN		
62	CHXD Quảng Sơn	thôn Hạnh Trí, xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	
63	CHXD An Hải	xã An Hải, huyện Ninh Phước, Ninh Thuận	
64	CHXD Phan Rang	thôn Tân Hội, xã Thành Hải, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận	
65	CHXD Ninh Phước	QL.1A, KP. 15, TT. Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận	
66	CHXD Lương Sơn	Km 233, QL.27, xã Lương Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	
67	CHXD Thuận Nam	xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	
68	CHXD Ba Tháp	QL.1A, thôn Gò Sạn, xã Bắc Phong, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận	
69	CHXD An Long	Đường Thống Nhất, P.Đạo Long, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	
70	CHXD Bửu Sơn	Đường 21/8, phường Phước Mỹ, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, NT	
71	CHXD Đồng Mế	Thôn Phú Thủy, xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	
72	CHXD Phước Thiện	thôn Phước Thiện 3, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận	
73	CHXD Tân Sơn	Quốc lộ 27B, khu phố 5, thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	
74	CHXD Phước Tấn	QL 27B, thôn Suối Đá, xã Phước Tiến, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận	
75	CHXD Đức Bình	Đường Tỉnh Lộ 702, thôn Khánh Hội, xã Tri Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận	





VILAS 266

VIMCERTS 129

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN
BINH THUAN BRANCH OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
ISO/IEC 17025 - ISO 9001

Head Office: Xuan An Residential Area, Xuan An Ward, Phan Thiet City, Binh Thuan Province Tel: 0252.3822390 – 0908.700.379 Website: tdcbinhthuan.vn

Số: 22126532

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/Date: 22/12/2022

Trang/Page: 1/1

Nơi gửi mẫu/ Client: CỬA HÀNG XĂNG DẦU THUẬN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU
DẦU KHÍ BÌNH THUẬN

Địa chỉ/ Address: XÃ PHƯỚC MINH, HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

Ngày nhận mẫu/ Sample receiving date: 15/12/2022

Ngày hẹn trả/ Date of returning result: 22/12/2022

Tên mẫu/ Sample name: NƯỚC THẢI BÊN TRONG CỬA HÀNG

Mô tả mẫu/ Sample description: Mẫu đựng trong chai nhựa

Số lượng/ Quantity:

01

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm Test result	Phương pháp thử Test method
01	COD	mg/L	18,4	TCVN 6491:1999 (*)(**)
02	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	18,0	TCVN 6625:2000 (*)(**)
03	Dầu mỡ khoáng	mg/L	2,50	SMEWW 5520B&F:2017 (**)
04	pH		6,76	TCVN 6492:2011 (*)(**)

(**): Phương pháp được Bộ TN&MT chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

TRƯỞNG PHÒNG
Head of laboratory

Nguyễn Thành Tín

GIÁM ĐỐC



Lương Đình Quát

Chú thích/Remark:

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/Test result are valid only for test sample

2. Thời gian lưu mẫu 5 ngày (kể từ ngày hẹn trả kết quả)/Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's promulgation)

3. Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality

4. Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/The following sample(s) was/were submitted and identified by client

5. (*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận/Items are accredited by VILAS (**): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/Items are tested by subcontractor

5. LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection. KPH: Không phát hiện/Not detected.



VILAS 266

VIMCERTS 129

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN
BINH THUAN BRANCH OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
ISO/IEC 17025 - ISO 9001

Head Office: Xuan An Residential Area, Xuan An Ward, Phan Thiet City, Binh Thuan Province Tel: 0252 3822390 – 0908 700 379 Website: tdcbinhthuan.vn

Số: 22126533

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/Date: 22/12/2022

Trang/Page: 1/1

Nơi gửi mẫu/ Client: CỬA HÀNG XĂNG DẦU THUẬN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU
DẦU KHÍ BÌNH THUẬN

Địa chỉ/ Address: XÃ PHƯỚC MINH, HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

Ngày nhận mẫu/ Sample receiving date: 15/12/2022

Ngày hẹn trả/ Date of returning result: 22/12/2022

Tên mẫu/ Sample name: KHÔNG KHÍ XUNG QUANH KHU VỰC TRỤ BƠM

Mô tả mẫu/ Sample description: Mẫu khí được hấp thu trong Impinger và đo bằng máy, thời gian đo 7h30 ngày 15/12/2022 Số lượng/ Quantity: 01

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm Test result	Phương pháp thử Test method
01	Tổng bụi lơ lửng	mg/m ³	0,14	TCVN 5067:1995 (**)
02	CO	mg/m ³	6,80	SOP.HDTN.305(**)
03	SO ₂	mg/m ³	0,11	TCVN 5971:1995(**)
04	NO ₂	mg/m ³	0,11	TCVN 6137:2009(**)
05	Benzene	µg/m ³	KPH (LOD=3,0)	US.EPA Method TO-17 (**)
06	Xylene	µg/m ³	KPH (LOD=10)	US.EPA Method TO-17 (**)
07	Toluene	µg/m ³	KPH (LOD=10)	US.EPA Method TO-17 (**)

(**): Phương pháp được Bộ TN&MT chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

TRƯỞNG PHÒNG
Head of laboratory

Nguyễn Thành Tín

GIÁM ĐỐC
Director

Lương Đình Quát

Ghi chú/Remark:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test result are valid only for test sample
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày (kể từ ngày hẹn trả kết quả)/ Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's promulgation)
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/ This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality.
- Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/ The following sample(s) was/were submitted and identified by client
- (*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận/ Items are accredited by VILAS (*)
- LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of detection KPH: Không phát hiện/ Not detected



CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN
BINH THUAN BRANCH OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
ISO/IEC 17025 - ISO 9001

VILAS 266

VIMCERTS 129

Head Office: Xuan An Residential Area, Xuan An Ward, Phan Thiet City, Binh Thuan Province Tel: 0252.3822390 - 0908.700.379 Website: tdbinhthuan.vn

Số: 23125686

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/Date: 12/12/2023

Trang/Page: 1/1

Nơi gửi mẫu/ Client: CỬA HÀNG XĂNG DẦU THUẬN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU
DẦU KHÍ BÌNH THUẬN

Địa chỉ/ Address: XÃ PHƯỚC MINH, HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

Ngày nhận mẫu/ Sample receiving date: 05/12/2023

Ngày hẹn trả/ Date of returning result: 12/12/2023

Tên mẫu/ Sample name: KHÔNG KHÍ XUNG QUANH KHU VỰC TRỤ BOM

Mô tả mẫu/ Sample description: Mẫu khí được hấp thụ trong Impinger và đo bằng máy, thời gian đo 7h30 ngày 05/12/2023

Số lượng/ Quantity:

01

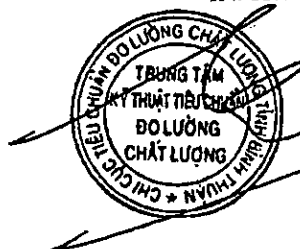
STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm Test result	Phương pháp thử Test method
01	Tổng bụi lơ lửng	mg/Nm ³	0,14	TCVN 5067:1995 (**)
02	CO	mg/Nm ³	6,80	SOP.HDLM.305 (**)
03	SO ₂	mg/Nm ³	0,09	TCVN 5971:1995 (**)
04	NO ₂	mg/Nm ³	0,07	TCVN 6137:2009 (**)
05	Benzene	µg/m ³	KPH (LOD=3,0)	US.EPA Method TO-17 (**)
06	Xylene	µg/m ³	KPH (LOD=10,0)	US.EPA Method TO-17 (**)
07	Toluene	µg/m ³	KPH (LOD=10,0)	US.EPA Method TO-17 (**)

(**): Phương pháp được Bộ TN&MT chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

TRƯỞNG PHÒNG
Head of laboratory

Nguyễn Thành Tín

GIÁM ĐỐC
Director



Lương Đình Quát

Ghi chú/Remark:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/Test result are valid only for test sample
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày (kể từ ngày hẹn trả kết quả)/Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's promulgation).
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality.



VILAS 266

VIMCERTS 129

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN
BINH THUAN BRANCH OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
ISO/IEC 17025 - ISO 9001

Head Office: Xuan An Residential Area, Xuan An Ward, Phan Thiet City, Binh Thuan Province Tel: 0252.3822390 - 0908.700.379 Website: tdcbinhthuan.vn

Số: 23125687

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/Date: 12/12/2023

Trang/Page: 1/1

Nơi gửi mẫu/ Client: CỬA HÀNG XĂNG DẦU THUẬN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU
DẦU KHÍ BÌNH THUẬN

Địa chỉ/ Address: XÃ PHƯỚC MINH, HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN

Ngày nhận mẫu/ Sample receiving date: 05/12/2023

Ngày hẹn trả/ Date of returning result: 12/12/2023

Tên mẫu/ Sample name: NƯỚC THẢI BÊN TRONG CỬA HÀNG

Mô tả mẫu/ Sample description: Mẫu đựng trong chai nhựa Số lượng/ Quantity:

01

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm Test result	Phương pháp thử Test method
01	COD	mg/L	19,0	TCVN 6491:1999 (*)(**)
02	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	17,5	TCVN 6625:2000 (*)(**)
03	Dầu mỡ khoáng	mg/L	3,0	SMEWW 5520B&F:2017 (**)
04	pH		6,85	TCVN 6492:2011 (*)(**)

(**): Phương pháp được Bộ TN&MT chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

TRƯỞNG PHÒNG
Head of laboratory

Nguyễn Thành Tín

GIÁM ĐỐC
Director

Lương Đình Quát

Ghi chú/Remark:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/Test result are valid only for test sample
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày (kể từ ngày hẹn trả kết quả)/Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's promulgation).
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Mã số thuế: 4500289362

Địa chỉ: Số 14 đường Tô Hiệu, P. Kinh Dinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện hóa đơn điện tử)

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 159759

Khách hàng:

CỬA HÀNG XĂNG DẦU THUẬN NAM-CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ BÌNH THUẬN TẠI NINH THUẬN

Địa chỉ:

Thôn Quán Thẻ 2, Xã Phước Minh,Huyện Thuận Nam,Tỉnh Ninh Thuận,Việt Nam

Mã số thuế:

3400374220-006

Điện thoại:

Kỳ hoá đơn: 3/2024

Đồng tiền thanh toán: VNĐ

Mã khách hàng	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M3 tiêu thụ
2012002002886	13584	13679	95
Đối tượng	Tiêu thụ (m3)	Đơn giá (đồng/m3)	Thành tiền
KDDV	95	14.476	1.375.238
Cộng tiền nước sạch chưa thuế GTGT: 1.375.238		Thuế GTGT(5%): 68.762	1.444.000
Dịch vụ thoát nước chưa thuế GTGT:		Thuế GTGT(8%):	
Phí BVMT đối với nước thải SH: %			0
Tổng số tiền phải thanh toán:			1.444.000
Thành tiền bằng chữ:	Một triệu bốn trăm bốn mươi tư nghìn đồng chẵn		

Ngày ký: Ngày 12 Tháng 3 Năm 2024

Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Mã số thuế: 4500289362

Địa chỉ: Số 14 đường Tô Hiệu, P. Kinh Dinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện hóa đơn điện tử)

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 235398

Khách hàng:

CỬA HÀNG XĂNG DẦU THUẬN NAM-CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ BÌNH THUẬN TẠI NINH THUẬN

Địa chỉ:

Thôn Quán Thẻ 2, Xã Phước Minh,Huyện Thuận Nam,Tỉnh Ninh Thuận,Việt Nam

Mã số thuế:

3400374220-006

Điện thoại:

Kỳ hoá đơn: 4/2024

Đồng tiền thanh toán: VNĐ

Mã khách hàng	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M3 tiêu thụ
2012002002886	13679	13752	73
Đối tượng	Tiêu thụ (m3)	Đơn giá (đồng/m3)	Thành tiền
KDDV	73	14.476	1.056.762
Cộng tiền nước sạch chưa thuế GTGT: 1.056.762		Thuế GTGT(5%): 52.838	1.109.600
Dịch vụ thoát nước chưa thuế GTGT:		Thuế GTGT(8%):	
Phí BVMT đối với nước thải SH: %			0
Tổng số tiền phải thanh toán:			1.109.600
Thành tiền bằng chữ:	Một triệu một trăm linh chín nghìn sáu trăm đồng chẵn		

Ngày ký: Ngày 11 Tháng 4 Năm 2024

Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Mã số thuế: 4500289362

Địa chỉ: Số 14 đường Tô Hiệu, P. Kinh Dinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện hóa đơn điện tử)

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 295650

Khách hàng:

CỬA HÀNG XĂNG DẦU THUẬN NAM-CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ BÌNH THUẬN TẠI NINH THUẬN

Địa chỉ:

Thôn Quán Thẻ 2, Xã Phước Minh,Huyện Thuận Nam,Tỉnh Ninh Thuận,Việt Nam

Mã số thuế:

3400374220-006

Điện thoại:

Kỳ hoá đơn: 5/2024

Đồng tiền thanh toán: VNĐ

Mã khách hàng	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M3 tiêu thụ
2012002002886	13752	13791	39
Đối tượng	Tiêu thụ (m3)	Đơn giá (đồng/m3)	Thành tiền
KDDV	39	14.476	564.571
Cộng tiền nước sạch chưa thuế GTGT: 564.571		Thuế GTGT(5%): 28.229	592.800
Dịch vụ thoát nước chưa thuế GTGT:		Thuế GTGT(8%):	
Phí BVMT đối với nước thải SH: %			0
Tổng số tiền phải thanh toán:			592.800
Thành tiền bằng chữ:	Năm trăm chín mươi hai nghìn tám trăm đồng chẵn		

Ngày ký: Ngày 9 Tháng 5 Năm 2024

Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

Số: 684 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Thuận, ngày 04 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Cửa hàng xăng dầu
Thuận Nam thuộc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu;

Căn cứ Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 23/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy định lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Cửa hàng xăng dầu Thuận Nam thuộc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận (được thành lập tại Quyết định số 4870/QĐ-STNMT ngày 14/11/2018 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường) tại Biên bản tổng hợp ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định về nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn của Cửa hàng xăng dầu Thuận Nam;

Xét nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Cửa hàng xăng dầu Thuận Nam đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 467/XDBT ngày 22/3/2019 về việc giải trình chỉnh sửa Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Cửa hàng xăng dầu Thuận Nam;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1379/TTr-STNMT ngày 11 tháng 4 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Cửa hàng xăng dầu Thuận Nam thuộc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận tại thôn Quán Thẻ 2, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Quy mô lưu trữ xăng, dầu của Cửa hàng: 72,9 tấn (tương đương 90 m³), trong đó:

- Xăng: 21,9 tấn, gồm 02 bồn chứa xăng có dung tích 15 m³/bồn;
- Dầu: 51 tấn, gồm 02 bồn chứa dầu có dung tích 30 m³/bồn.

2. Các yêu cầu về công tác ứng phó sự cố tràn dầu của Cửa hàng:

- Thực hiện đúng, đầy đủ, nghiêm túc các nội dung ứng phó sự cố tràn dầu

h

tại Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt;

- Khi xảy ra sự cố tràn dầu, Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận phải thực hiện đúng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 8 của Quyết định số 101/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy chế hoạt động ứng phó, khắc phục và giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; tham gia cùng với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương có liên quan thực hiện việc đánh giá, xác định mức độ thiệt hại và chịu trách nhiệm giải quyết bồi thường thiệt hại do sự cố tràn dầu gây ra;

- Định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm nộp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường Ninh Thuận để tổng hợp báo cáo theo quy định pháp luật.

3. Các điều kiện kèm theo:

- Định kỳ hàng năm, tổ chức triển khai diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu theo nội dung diễn tập trong Kế hoạch và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Tuân thủ các quy định về phòng, chống cháy nổ trong hoạt động kinh doanh xăng, dầu;

- Sẵn sàng tham gia các hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu chung theo sự điều động của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Đảm bảo kinh phí để chi trả các khoản thiệt hại về người, tài sản, kinh tế và môi trường do sự cố tràn dầu gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có những thay đổi về nội dung của Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Cửa hàng xăng dầu Thuận Nam thì Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện các nội dung thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Cửa hàng xăng dầu Thuận Nam đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Công thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam; Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và PCT UBND tỉnh Trần Quốc Nam;
- Cty CP XDDK Bình Thuận (03 bản);
- UBND xã Phước Minh;
- VPUB: CVP, PVP (L.T.Dũng);
- Lưu: VT, KTTH.

